

PHẦN MỞ ĐẦU

1.Lý do chọn đề tài

Ngày nay trên thế giới Du lịch đã trở thành nhu cầu cần thiết và tương đối phổ biến với mỗi người. Đây chính là cơ hội lớn cho ngành Du lịch phát triển trong hiện tại, cũng như trong tương lai, đóng góp ngày càng lớn vào thu nhập toàn cầu và mỗi quốc gia. Theo Tổ chức du lịch Thế giới (WTO) nhận định thì: “ Du lịch đóng góp 6% thu nhập của thế giới, là một trong năm ngành kinh tế lớn nhất của hành tinh”

Ở Việt Nam, trong những thập niên gần đây, du lịch đã được sự quan tâm to lớn của Đảng, Nhà Nước và Tổng cục Du lịch (nay là Bộ Văn hoá – Thể thao và Du lịch). Nhận thức được tầm quan trọng của Du lịch đối với nền kinh tế quốc dân, trong Nghị quyết của Đại hội Toàn quốc lần thứ VIII đã xác định: “... Phát triển du lịch tương xứng với tiềm năng to lớn của đất nước theo hướng du lịch văn hoá, sinh thái và môi trường. Xây dựng các chương trình và các điểm du lịch hấp dẫn về Văn hoá, di tích lịch sử và khu danh lam thắng cảnh, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành du lịch”. Nhờ được sự quan tâm đúng đắn, kịp thời ấy đã tạo điều kiện ban đầu cho sự phát triển du lịch với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong những năm tới.

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở phía Đông Nam của Đồng Bằng Bắc Bộ, có diện tích là:1.420 km², dân số: gần 1 triệu người. Ninh Bình là một tỉnh sở hữu nguồn Tài nguyên thiên nhiên phong phú và đầy hấp dẫn. Không chỉ nổi tiếng với Tam Cốc – Bích Động, được mệnh danh là” Nam Thiên Đệ Nhị Động”. Ninh Bình còn hấp dẫn du khách bởi các quần thể Du lịch kỳ thú và những địa danh như: Vườn quốc gia Cúc Phương, Suối nước nóng Kênh Gà, khu Du lịch sinh thái ngập nước Vân Long, động Vân Trình, nhà thờ đá Phát Diệm, Động Mã Tiên... Một năm trở lại đây, với việc xây dựng, phát triển

khu du lịch Tràng An thì Du lịch Ninh Bình thật sự khởi sắc với định hướng phát triển kinh tế bằng con đường Du lịch.

Khu du lịch Tràng An nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Ninh Bình, thuộc địa phận của các xã: Trường Yên, Ninh Xuân, Ninh Hải (của huyện Hoa Lư); xã Gia Sinh (của huyện Gia Viễn); phường Tân Thành (của thành phố Ninh Bình). Tổng diện tích là: 1.566 ha. Trong đó, diện tích núi và rừng đặc dụng giao để quản lý là: 980 ha. Khu du lịch Tràng An đã và đang được thừa nhận là một trong những địa điểm du lịch hấp dẫn vào bậc nhất của nước ta hiện nay. Đến nơi đây, du khách không chỉ được chiêm ngưỡng cảnh núi non hùng vĩ, một quần thể hang động kỳ thú giống như một: “ Hạ Long trên cạn” với những dải đá vôi, thung lũng, sông ngòi hoà quyện vào nhau tạo nên một không gian huyền ảo, kỳ bí mà còn được về lại với những dấu ấn lịch sử của đất và người nơi đây được tạo dựng trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, các tiềm năng du lịch tại đây khi đưa vào khai thác và phục vụ du lịch vẫn còn nhiều bất cập và chưa xứng với tiềm năng vốn có.

Vì những lý do trên, cộng với tình cảm đặc biệt của tác giả đối với quê hương Ninh Bình mà tác giả đã chọn đề tài:

“Tìm hiểu Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình) phục vụ phát triển du lịch”.

Làm đề tài nghiên cứu cho Khoá luận của mình, với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào sự phát triển của du lịch Ninh Bình (nếu đề tài được phê duyệt).

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Tác giả nghiên cứu đề tài này nhằm mục đích là đánh giá đúng tiềm năng phát triển và thực trạng của hoạt động du lịch ở khu du lịch Tràng An. Từ đó, đưa ra được giải pháp nhằm phát huy lợi thế, khắc phục khó khăn góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tác giả cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nghiên cứu tổng quan về du lịch và tài nguyên du lịch

+ Nghiên cứu tài nguyên du lịch và thực trạng của hoạt động du lịch tại khu du lịch Tràng An

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch tại khu du lịch Tràng An

3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu trong phạm vi khu du lịch Tràng An, với tổng diện tích là: 1566 ha. Thuộc địa phận các xã: Trường Yên, Ninh Hải, Ninh Xuân (huyện Hoa Lư); Gia Sinh (huyện Gia Viễn); Ninh Nhất, phường Tân Thành (thành phố Ninh Bình).

Đối tượng nghiên cứu: Tài nguyên du lịch và thực trạng của hoạt động du lịch.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Thông tin về đối tượng nghiên cứu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau nên cần phải được phân loại, so sánh và chọn lọc kỹ. Đây là phương pháp giúp nhận rõ những thông tin xác thực và cần thiết để thành lập ngân hàng số liệu.

4.2. Phương pháp khảo sát thực địa

Khảo sát thực địa là phương pháp nghiên cứu truyền thống nhưng lại là công việc bắt buộc đối với mỗi đề tài nghiên cứu. Việc có mặt tại thực địa, quan sát trực tiếp và phỏng vấn những người có trách nhiệm các vấn đề có liên quan tới đề tài là rất cần thiết. Để từ đó bổ xung cho lý luận được hoàn chỉnh. Là cơ sở đánh giá ban đầu và thẩm định lại trong quá trình nghiên cứu. Trên cơ sở đó giúp đề ra các giải pháp hợp lý và khả thi.

4.3. Phương pháp tổng hợp, so sánh

Đây là phương pháp chính được sử dụng để xử lý tư liệu sau khi thu thập được từ các nguồn khác nhau và từ thực tế. Đây là phương pháp giúp cho việc đề xuất các dự án, các định hướng, các chiến lược phát triển và triển khai quy hoạch các dự án mang tính khoa học và đạt hiệu quả cao.

4.4. Phương pháp bản đồ

Trong Khoá luận có sử dụng một số Bản đồ chức năng để nghiên cứu, bao gồm: Bản đồ du lịch Ninh Bình; Bản đồ quy hoạch khu du lịch Tràng An, Bản đồ quy hoạch khu trung tâm của khu du lịch Tràng An...

5. Ý nghĩa của đề tài

Đề tài giúp thấy rõ được tiềm năng, thực trạng của hoạt động du lịch ở Tràng An, với những thuận lợi và hạn chế. Trên cơ sở đó, đề ra những giải pháp để phát huy những lợi thế, khắc phục khó khăn góp phần thúc đẩy khu du lịch Tràng An phát triển được bền vững, lâu dài, đúng tiềm năng.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận, phần Tài liệu tham khảo, Phụ lục. Nội dung chính của đề tài được kết cấu thành 3 Chương:

Chương I: Cơ sở lý luận của đề tài

Chương II: Tiềm năng du lịch của khu du lịch Tràng An - Ninh Bình

Chương III: Thực trạng và một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch tại khu du lịch Tràng An.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. DU LỊCH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

1.1.1. Khái niệm về Du lịch

Hiện nay, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về Du lịch. Có một chuyên gia về Du lịch đã nhận định: “ Đối với Du lịch thì có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”. Điều đó cho thấy, việc thống nhất thành một khái niệm chung là một việc làm đặc biệt khó khăn.

Tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về Du lịch họp tại Roma – Italia(21/08 – 05/09/1963), các chuyên gia đưa ra định nghĩa về Du lịch: “ Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ.”

Theo Luật du lịch Việt Nam thì: “ Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu thăm quan, giải trí, nghỉ ngơi trong một thời gian nhất định”

Tuy tồn tại nhiều khái niệm khác nhau, nhưng nhìn chung mọi khái niệm đều có điểm giống nhau. Và “du lịch” có thể được hiểu là:

+ Một hiện tượng Xã hội: nghĩa là: Du lịch là sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh, có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ do các cơ sở chuyên nghiệp cung ứng.

+ Một hiện tượng kinh tế, một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm nhu cầu nảy sinh trong quá trình di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong

thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú với mục đích: phục hồi sức, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh.

Việc phân định rõ ràng hai nội dung cơ bản của Khái niệm có ý nghĩa góp phần thúc đẩy sự phát triển của Du lịch. Cho đến nay không ít người, thậm chí cả cán bộ nhân viên đang làm việc trong ngành Du lịch chỉ cho rằng: “ Du lịch là một ngành Kinh tế”. Do đó, mục tiêu được quan tâm hàng đầu là mang lại hiệu quả kinh tế. Điều đó đồng nghĩa với việc tận dụng triệt để mọi nguồn tài nguyên, mọi cơ hội để kinh doanh. Trong khi đó, Du lịch còn là một hiện tượng Xã hội, nó góp phần nâng cao dân trí, phục hồi sức khỏe cộng đồng, giáo dục lòng yêu nước, tình đoàn kết. Chính vì vậy, toàn xã hội phải có trách nhiệm đóng góp, hỗ trợ, đầu tư cho Du lịch phát triển như với giáo dục, thể thao hoặc một lĩnh vực Văn hóa khác.

1.1.2. Tác động của hoạt động du lịch lên Tài nguyên và Môi trường tự nhiên:

Không chỉ hoạt động du lịch mà tất cả các hoạt động Kinh tế - Xã hội đều có thể tác động lên Tài nguyên và Môi trường tự nhiên. Có tác động tích cực, song cũng có những tác động tiêu cực.

1.1.2.1. Tác động tích cực:

Việc tiếp xúc, đắm mình trong thiên nhiên được cảm nhận trực giác sự hùng vĩ, trong lành, tươi mát của các cảnh quan tự nhiên có ý nghĩa to lớn với Khách du lịch. Bằng thực tiễn phong phú, du lịch góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục môi trường – một vấn đề đang được toàn Thế giới hết sức quan tâm.

Nhu cầu du lịch nghỉ ngơi tại những khu vực có nhiều cảnh quan thiên nhiên đã kích thích việc tôn tạo và bảo vệ môi trường. Để đáp ứng nhu cầu Du lịch, phải dành ra những khoảng đất đai có môi trường ít bị xâm hại, xây dựng các công viên bao quanh thành phố, thi hành các biện pháp bảo vệ môi

trường, bảo vệ nguồn nước, không khí nhân tạo nên môi trường sống phù hợp với nhu cầu của khách.

Đối với Tài nguyên địa hình, địa chất và đất đai, việc phát triển Du lịch là cơ sở để nghiên cứu, xếp hạng tôn vinh và thực hiện các giải pháp bảo vệ các dạng tài nguyên địa hình có cảnh quan đẹp, hấp dẫn du khách.

Nhu cầu về các loại hình Du lịch sinh thái đã thúc đẩy việc bảo vệ việc trồng cây xanh góp phần làm sạch không khí; bảo vệ nước trên mặt góp phần điều hòa khí hậu.

1.1.2.2. Tác động tiêu cực

Du lịch nếu không được quy hoạch, mà diễn ra ồ ạt sẽ làm thay đổi diện mạo địa hình, có nguy cơ làm suy thoái tài nguyên du lịch tự nhiên.

Việc xây dựng các công trình, kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch cũng ảnh hưởng tới diện tích đất canh tác, đất Nông Nghiệp, diện tích đất ở bãi biển... thậm chí vì lợi ích trước mắt, người ta còn xâm phạm đến cả những diện tích đất rừng và các khu dự trữ sinh quyển đã được bảo vệ.

Tại nhiều điểm du lịch, do ý thức của du khách, trách nhiệm của người làm du lịch, sự quan tâm đầu tư và quản lý của chính quyền không tốt gây nên tình trạng xả rác bừa bãi, nhất là trong mùa du lịch. Mặt khác, do số lượng các công trình phục vụ khách tăng lên nhanh chóng vượt quá khả năng chịu tải của cơ sở hạ tầng nên chúng bị xuống cấp trầm trọng, góp phần gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường.

1.1.3. Tác động của hoạt động Du lịch lên Môi trường Kinh tế - Xã hội:

1.1.3.1. Tác động tích cực:

Hoạt động du lịch có tác dụng biến đổi cán cân thu - chi của khu vực và đất nước. Du lịch quốc tế mang ngoại tệ vào đất nước du lịch, làm tăng thêm nguồn thu ngoại tệ cho đất nước đến.

Ngoài ra, hoạt động du lịch còn có tác dụng điều hòa nguồn vốn từ vùng kinh tế phát triển sang vùng kinh tế kém phát triển hơn, kích thích sự tăng trưởng kinh tế ở vùng sâu vùng xa.

Có hoạt động du lịch sẽ giúp cho việc nâng cao nhận thức, trình độ dân trí của người dân bản địa, nhất là người dân vùng sâu, vùng xa, các đồng bào dân tộc thiểu số ít người.

Khi khu vực nào đó trở thành một điểm du lịch, du khách từ các nơi đổ về sẽ làm cho nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ tăng lên đáng kể... khuyến khích các làng nghề thủ công phát triển và khuyến khích đầu tư trang thiết bị hiện đại, cải tiến kỹ thuật, tuyển chọn những công nhân có tay nghề cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Du lịch xuất khẩu tại chỗ được nhiều mặt hàng, không phải qua nhiều khâu chênh lệch giá giữa người bán và người mua không quá cao. Do là xuất khẩu tại chỗ nên có thể xuất được những mặt hàng có thể bị hư hỏng mà ít bị rủi ro.

Từ những tác động tích cực trên cho thấy: Du lịch có tác dụng làm thay đổi bộ mặt kinh tế theo hướng tích cực. Chẳng thế mà có nhiều nước trên thế giới coi Du lịch là cứu cánh nhằm vực dậy nền kinh tế ốm yếu và què quặt của mình. Người Pháp thì gọi Du lịch là: “ Con gà đẻ trứng vàng” là để nói về tác động tích cực của Du lịch đối với Môi trường Kinh tế - Xã hội.

1.1.3.2. Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực đầu tiên phải kể đến là: Tính mùa vụ trong hoạt động Du lịch. Đây là một hiện tượng phổ biến và rất khó khắc phục, gây lãng phí cơ sở Vật chất – kỹ thuật, cơ sở hạ tầng...trong những mùa vắng khách.

Du lịch gây ra tình trạng lạm phát cục bộ đối với nền kinh tế của một quốc gia, một địa phương. Hoạt động du lịch còn làm cho giá cả hàng hóa

tăng cao, nhiều khi vượt quá khả năng chi tiêu của người dân địa phương, nhất là những người mà thu nhập của họ không liên quan đến du lịch.

Du lịch phát triển nhưng nếu không được quản lý tốt sẽ gây ra hiện tượng ô nhiễm môi trường, làm phát sinh các dịch bệnh ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của du khách, cũng như cộng đồng địa phương nơi đến.

Hoạt động du lịch cũng có thể làm nảy sinh các tệ nạn xã hội như: ma túy, mại dâm, cờ bạc, chộm cắp... ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh, an toàn xã hội.

Việc tiếp xúc, gặp gỡ khách thường xuyên làm cho người dân bản địa chạy theo lối sống của du khách, làm mất đi những giá trị văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng nơi đến.

Mọi hoạt động du lịch nói chung và các dự án Quy hoạch phát triển Du lịch nói riêng đều tác động lên tài nguyên môi trường và Kinh tế - Xã hội theo hai hướng tích cực và tiêu cực. Vì vậy, ngay từ khi lập dự án cần tính toán và nghiên cứu kỹ để có thể lường trước những tác động tiêu cực. Từ đó, đưa ra những giải pháp khắc phục hạn chế, phát huy lợi thế.

1.2.TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1.2.1. Quan niệm về Tài nguyên Du lịch:

Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch có ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của Ngành du lịch, việc hình thành chuyên môn hóa các vùng Du lịch và hiệu quả kinh tế của các ngành dịch vụ.

Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên cùng các cảnh quan nhân văn (văn hóa), có thể được sử dụng cho du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu về chữa bệnh, nghỉ ngơi, tham quan hay đi du lịch của du khách.

Về thực chất, Tài nguyên du lịch là các điều kiện, các đối tượng Văn hóa – lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu Xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích Du lịch.

Theo Nguyễn Minh Tuệ thì Tài nguyên du lịch được hiểu như sau: “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho sản xuất dịch vụ du lịch”.

Từ khái niệm trên ta thấy được cơ cấu của tài nguyên du lịch có thể chia thành hai bộ phận: Tự nhiên và nhân văn, và tài nguyên du lịch có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của du khách.

Cũng có một khái niệm khác về Tài nguyên du lịch khá cụ thể và phổ biến. Đó là: “ Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.(Điều 4, Luật du lịch Việt Nam.2005).

1.2.2.Đặc điểm của Tài nguyên du lịch:

Tài nguyên du lịch mang một số đặc điểm như:

Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi Du lịch.

Tài nguyên du lịch phụ thuộc nhiều vào thời gian có thể khai thác Tài nguyên như: thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, xác định tính thời vụ của hoạt động du lịch, nhịp điệu dòng du lịch... để phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch có tính bất biến về mặt lãnh thổ. Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút về cơ sở hạ tầng, dòng du lịch tới nơi tập trung các loại Tài nguyên đó.

Khả năng sử dụng nhiều lần Tài nguyên du lịch nếu tuân theo các quy định về sử dụng Tài nguyên một cách hợp lý. Cần thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo tồn và gìn giữ tài nguyên một cách bền vững.

1.2.3. Các loại Tài nguyên du lịch:

Tài nguyên du lịch có thể chia làm hai nhóm: Tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

1.2.3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

*** Địa hình:**

Địa hình hiện tại của bề mặt Trái Đất là sản phẩm của các thành phần của các quá trình địa chất lâu dài (nội sinh, ngoại sinh). Trong chừng mực nhất định, mọi hoạt động sống của con người trên một lãnh thổ đều phụ thuộc vào địa hình, nghĩa là: các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng địa hình đặc biệt có sức hấp dẫn với du khách. Các đơn vị hình thái chính của địa hình là đồi núi và đồng bằng, chúng được phân biệt bởi độ cao của địa hình. Khách du lịch thường tránh những nơi bằng phẳng vì họ cho là đó là những nơi tẻ nhạt không thích hợp với hoạt động du lịch.

Kiểu địa hình có giá trị lớn cho hoạt động du lịch là: Kiểu địa hình Karst. Đây là kiểu địa hình được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hoà tan (như: đá vôi, đá phấn, thạch cao, muối mỏ...). Ở Việt Nam, chủ yếu là đá vôi. Một trong những kiểu Karst được quan tâm nhất đối với du lịch là các hang động Karst, đây là cảnh quan rất hấp dẫn du khách và là một nguồn Tài nguyên du lịch rất quan trọng trong việc phát triển du lịch. Ngoài hang động Karst, còn có các kiểu địa hình Karst khác cũng có giá trị đối với hoạt động Du lịch.

Kiểu địa hình ven bờ, các kho chứa nước lớn (đại dương, biển, hồ...) cũng rất có ý nghĩa với hoạt động du lịch. Kiểu địa hình ven bờ có thể được khai thác phục vụ du lịch với các mục đích khác nhau từ tham quan du lịch

theo chuyên đề đến nghỉ ngơi, an dưỡng, tắm biển, thể thao nước...

*** Khí hậu:**

Khí hậu cũng được coi là một loại Tài nguyên du lịch. Trong các chỉ tiêu Khí hậu thì đáng chú ý hơn cả là hai chỉ tiêu: Nhiệt độ không khí và độ ẩm không khí. Ngoài ra, còn phải kể đến các yếu tố khác như: áp suất khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt như: bão, sóng thần...

Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc các hoạt động dịch vụ Du lịch. Nó thu hút khách du lịch thông qua khí hậu sinh học (sự phù hợp của các yếu tố khí hậu tới sức khỏe của con người). Ở mức độ nhất định, cần lưu ý đến những hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở hoạt động và kế hoạch du lịch. Đó là những sự cố thời tiết đáng kể như: bão trên các vùng biển duyên hải, hải đảo, gió mùa Đông Bắc...

Du lịch có tính mùa rõ rệt, điều này phụ thuộc nhiều vào tính mùa của khí hậu. Các vùng khác nhau trên thế giới có mùa vụ du lịch khác nhau do ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu khác nhau. Phụ thuộc vào điều kiện Khí hậu mà hoạt động du lịch có thể diễn ra quanh năm hoặc trong vài tháng.

+ Mùa du lịch cả năm (liên tục) thích hợp với loại hình du lịch chữa bệnh ở tuổi khoáng, du lịch trên núi. Ở những vùng có khí hậu nhiệt đới như các tỉnh phía Nam nước ta, mùa du lịch hầu như diễn ra quanh năm.

+Mùa du lịch vào mùa đông, thích hợp với du lịch trên núi. Sự kéo dài của mùa đông có ảnh hưởng tới khả năng phát triển loại hình du lịch thể thao mùa đông và các loại hình du lịch mùa đông khác.

+Mùa hè là mùa du lịch quan trọng nhất vì có thể phát triển nhiều loại hình du lịch trên núi và ở khu vực đồng bằng – đồi. Khả năng du lịch ngoài trời về mùa hè rất phong phú và đa dạng.

*** Nguồn nước:**

Tài nguyên nước phục vụ du lịch bao gồm nước trên mặt và nước dưới đất. Nó bao gồm mạng lưới sông ngòi, ao hồ... Tùy theo thành phần lý hoá của nước, người ta phân ra nước ngọt (lục địa) và nước mặn (biển và một số

hồ nước mặn nội địa). Nguồn nước trên mặt không chỉ cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và khu du lịch mà còn tạo ra các loại hình du lịch đa dạng như: Du lịch hồ, Du lịch sông nước... Còn nước dưới đất, nhìn chung ít có giá trị du lịch.

Trong tài nguyên nước thì nguồn nước khoáng rất có ý nghĩa đối với hoạt động du lịch. Nước khoáng là nguồn nước thiên nhiên, chủ yếu là ở dưới lòng đất, chứa đựng những thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hoá học, các khí, các nguyên tố phóng xạ...) hoặc một số tính chất vật lý (nhiệt độ, độ pH...) có tác dụng đối với sức khoẻ của con người. Một trong những giá trị quan trọng nhất của nước khoáng là chữa bệnh. Các nguồn nước khoáng là cơ sở không thể thiếu được đối với việc phát triển loại hình du lịch chữa bệnh.

*** Sinh vật:**

Không phải mọi tài nguyên đều là đối tượng của hoạt động du lịch tham quan. Khách đi du lịch phần nhiều là để nghỉ ngơi, thư giãn, hoà mình vào thiên nhiên sau những ngày làm việc căng thẳng. Để phục vụ cho những mục đích du lịch khác nhau của du khách, người ta đã đưa ra những chỉ tiêu về tài nguyên sinh vật sau đây:

+Chỉ tiêu phục vụ mục đích tham quan du lịch:

Thảm thực vật phong phú, độc đáo và điển hình.

Có loài đặc trưng cho khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm đối với thế giới và trong nước.

Có các loài có thể khai thác làm đặc sản phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

Thực động - vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt và một số loài phổ biến dễ quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc nghe được tiếng hót, tiếng kêu và có thể chụp ảnh được.

Đường giao thông thuận tiện cho việc đi lại, quan sát, vui chơi của du khách.

+Chỉ tiêu đối với du lịch săn bắt – thể thao: có sự quy định loài được phép săn bắt (thường là những loài phổ biến, không ảnh hưởng đến quỹ gen, là những loài nhanh nhẹn). Ngoài ra, khu vực dành cho hoạt động săn bắt phải tương đối rộng, địa hình dễ hoạt động, xa khu dân cư, đảm bảo tầm bay của đạn và an toàn tuyệt đối cho du khách.

+Chỉ tiêu đối với mục đích du lịch nghiên cứu Khoa học:

Nơi có hệ động vật phong phú, đa dạng.

Nơi tồn tại những loài quý hiếm.

Nơi có thể đi lại, quan sát

Có quy định thu mẫu của cơ quan quản lý.

1.2.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

***Các di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử - văn hoá:**

Đây được coi là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quan trọng, là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch. Qua các thời đại, những di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử - văn hoá đã minh chứng cho những sáng tạo lớn về văn hoá, tôn giáo và xã hội loài người. Việc bảo vệ, khôi phục và tôn tạo những vết tích hoạt động của con người trong các thời kỳ lịch sử những thành tựu văn hoá nghệ thuật... Không chỉ là nhiệm vụ lớn của nhân loại trong thời kỳ hiện đại mà còn có giá trị rất lớn đối với mục đích du lịch.

Di sản Văn hoá thế giới:

Trong thế giới cổ đại có Bảy kỳ quan vĩ đại do con người tạo ra nằm tập trung ở những cái nôi của nền văn minh nhân loại. Ngày nay, các di sản của nhân loại ở các nước muốn xếp hạng là Di sản thế giới thì cần phải đáp ứng được những tiêu chuẩn nhất định do Hội đồng di sản của Liên Hợp Quốc (WHO) đưa ra.

Việc một di sản quốc gia được công nhận, tôn vinh là: Di sản thế giới mang lại nhiều ý nghĩa. Tầm vóc của di sản được nâng cao và đặt nó trong mối quan hệ có tính toàn cầu. Các giá trị văn hoá, thẩm mỹ cũng như các ý

nghĩa về kinh tế, chính trị cũng sẽ vượt ra khỏi phạm vi một nước. Khả năng thu hút khách du lịch và phát triển dịch vụ du lịch vì thế mà gia tăng.

Các di tích lịch sử - văn hoá:

Được coi là tài sản văn hoá quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi dân tộc. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng và giá trị nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử - văn hoá có khả năng đóng góp rất lớn vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người. Di tích lịch sử là những địa điểm, những công trình kỷ niệm, những cổ vật ghi dấu bằng những sự kiện lịch sử, những cuộc chiến đấu, những danh nhân, những anh hùng dân tộc của một thời kỳ nào đó trong lịch sử của mỗi quốc gia, mỗi địa phương.

“Những di tích lịch sử là một bộ phận không thể tách rời của di sản quốc gia. Chúng bao gồm tất cả những thắng cảnh, công trình kỷ niệm hoặc kỷ vật thuộc về một thời kỳ nào đó của lịch sử đất nước và đem lại lợi ích quốc gia về phương diện lịch sử, nghệ thuật và khảo cổ”. [Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010, Tổng cục du lịch Việt Nam].

****Các Lễ hội:***

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả. Là dịp để mọi người thể hiện lòng thành kính, nhớ ơn tổ tiên, những người có công với địa phương và với đất nước, có liên quan đến các nghi lễ, tôn giáo, tín ngưỡng, ôn lại những giá trị văn hoá nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử - văn hoá, kinh tế trọng đại của địa phương và của đất nước, tăng thêm tinh thần đoàn kết cộng đồng.

Lễ hội là tài nguyên nhân văn quý giá, là một loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống có sức lôi cuốn đông người tham gia và trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân, là Tài nguyên du lịch rất hấp dẫn đối với du khách. Lễ hội góp phần cùng với Tài nguyên du lịch nhân văn khác tạo ra

những giá trị văn hoá đa dạng, phong phú và đặc sắc của mỗi vùng đất, mỗi quốc gia.

Bất cứ một Lễ hội nào cũng thường được kết cấu làm hai phần, đó là: Phần Lễ và Phần Hội. Tùy thuộc vào quy mô và giá trị văn hoá truyền thống đối với quốc gia hay địa phương mà các Lễ hội được xếp hạng là Lễ hội quốc gia (Quốc lễ) hay lễ hội địa phương. Trong đó Lễ hội quốc gia có ý nghĩa quan trọng, có sức hấp dẫn cao đối với du khách và là đối tượng để triển khai nhiều loại hình văn hoá, đặc biệt là loại hình du lịch Lễ hội.

***Các đối tượng gắn với dân tộc học:** Mỗi dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng đối với du lịch. Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về: cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống, sinh hoạt, về kiến trúc cổ, các nét văn hoá truyền thống trong quy hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc.

***Các đối tượng văn hoá, thể thao và các hoạt động nhân thức khác:**

Các đối tượng văn hoá cũng rất hấp dẫn với du khách, đặc biệt là với những người đi du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu. Đó là trung tâm của các Viện khoa học, các Trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên, tổ chức liên hoan âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, các cuộc thi đấu thể thao quốc tế, các thành tựu kinh tế của đất nước hoặc của địa phương...

Các đối tượng Văn hoá, thể thao không chỉ thu hút khách với mục đích du lịch tham quan nghiên cứu mà còn thu hút đa dạng khách với nhiều mục đích khác nhau tùy từng lĩnh vực. Tất cả những khách du lịch có trình độ văn hoá từ trung bình trở lên đều có thể thưởng thức các giá trị Văn hoá của nơi có các điểm du lịch, Khu du lịch mà họ đến du lịch. Do vậy, tất cả những nơi có các giá trị văn hoá đặc sắc, hoặc tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao đều thu hút được lượng khách du lịch lớn và có thể trở thành những trung tâm

văn hoá.

1.2.4. Vai trò và ý nghĩa của Tài nguyên du lịch:

1.2.4.1. Vai trò của Tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có vai trò to lớn trong hoạt động du lịch. Trong đó, đáng chú ý hơn cả là:

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để cấu thành các sản phẩm du lịch. Trong hệ thống lãnh thổ du lịch, tài nguyên du lịch là những phân hệ giữ vai trò quan trọng và đôi khi quyết định tới sự phát triển du lịch của hệ thống lãnh thổ du lịch. Đặc biệt, Tài nguyên du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với các phân hệ khác, với môi trường Kinh tế - Xã hội. Do vậy, Tài nguyên du lịch là nhân tố quan trọng hàng đầu để tạo nên sản phẩm du lịch.

Tài nguyên du lịch có thể là mục đích chuyến đi của đích của du khách và tạo những điều kiện thuận lợi để đáp ứng những nhu cầu của họ trong chuyến đi. Hoạt động du lịch có phát triển hay không, hiệu quả kinh doanh cao hay thấp phụ thuộc vào các yếu tố cầu du lịch (lượng khách du lịch). Phần lớn, khách du lịch thực hiện các chuyến đi là để thưởng thức, tìm hiểu, cảm nhận các giá trị của Tài nguyên du lịch, con người, và Kinh tế - xã hội tại điểm đến. Do vậy, các địa phương, các quốc gia, các địa phương có Tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng càng cần thiết phải quan tâm, đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo và phát triển Tài nguyên du lịch để đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách và đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh du lịch.

Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển nhiều loại hình du lịch. Chẳng hạn như: Với loại hình Du lịch mạo hiểm được tổ chức trên cơ sở các tài nguyên như: núi cao, hệ thống hang động, các khu rừng nguyên sinh hoang vắng có đa dạng sinh học cao, các vịnh trên đảo có phong cảnh đẹp...; Hay với loại hình du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng được phát triển ở những vùng có Suối khoáng; Du lịch lặn biển được tổ chức ở những vùng biển có nhiều loại san hô, nhiều loài thuỷ sinh, có sự đa dạng cao...

Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tổ chức, phân chia theo nhiều cấp khác nhau như: khu du lịch, điểm du lịch, vùng du lịch, tiểu vùng du lịch, trung tâm du lịch. Dù ở cấp độ nào thì việc tổ chức quy hoạch phát triển du lịch cũng cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng khi phát triển các phân hệ này, khi muốn xây dựng cơ sở Vật chất - kỹ thuật du lịch, kết cấu hạ tầng du lịch, đào tạo và nâng cao nguồn nhân lực... sao cho phù hợp với tài nguyên du lịch. Việc tổ chức đón khách du lịch như thế nào phụ thuộc nhiều vào số lượng và chất lượng của Tài nguyên du lịch.

Như vậy, dù ở cấp phân vị nào thì tài nguyên du lịch luôn đóng vai trò quan trọng bậc nhất, đôi khi mang tính quyết định trong việc tổ chức, phát triển du lịch. Và là yếu tố cơ bản của hệ thống lãnh thổ du lịch.

1.2.4.2. Ý nghĩa của Tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch là một nguồn lực quan trọng hàng đầu để tạo ra sản phẩm du lịch. Quy mô và khả năng phát triển du lịch của một quốc gia, một địa phương phụ thuộc rất nhiều vào số lượng, chất lượng và sự kết hợp của các loại tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định đi du lịch của du khách. Song tài nguyên du lịch tiềm tàng hay sẵn có có được khai thác và sử dụng hợp lý hay không, có được bảo tồn và gìn giữ hiệu quả hay không lại phụ thuộc nhiều vào đường lối chính sách, tổ chức quy hoạch, tổ chức quản lý, các hoạt động bảo tồn, tôn tạo tài nguyên, phát triển du lịch và phát triển kinh tế - xã hội...

Chẳng hạn như: Bãi biển Sầm Sơn (Thanh Hoá), tuy có bãi biển khá dài, cát trắng, độ trong suốt cao, độ mặn phù hợp 3,5%, song do việc lập, thực hiện quy hoạch không kịp thời, hợp lý; việc tổ chức quản lý hoạt động du lịch nơi đây thiếu đồng bộ và kém hiệu quả, có nhiều tác động tiêu cực đến tài nguyên môi trường biển... làm giảm sức hấp dẫn đối với du khách, làm cho hiệu quả kinh doanh không cao.

Nhưng đối với bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng) thì khác. Là một bãi biển có quy mô không lớn, chất lượng và tài nguyên nước không bằng bãi biển Sầm Sơn (Thanh Hoá). Song do được quy hoạch và tổ chức quản lí hợp lí, đúng đắn nên hiệu quả Kinh doanh cao hơn và Tài nguyên du lịch biển được bảo vệ.

Do vậy, cần phải quan tâm, có chính sách đầu tư, và tổ chức quy hoạch, quản lí tốt đảm bảo cho việc phát triển đi cùng với tôn tạo và bảo tồn các nguồn tài nguyên vô giá.

Tiểu kết Chương I:

Du lịch càng phát triển thì càng cần sự quan tâm, đầu tư của các cấp, các ngành, các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Đặc biệt là thái độ, ý thức của con người đối với Tài nguyên du lịch, sự hiểu biết của con người về hoạt động du lịch và ý thức bảo vệ môi trường là vô cùng quan trọng. Do đặc điểm các loại tài nguyên thường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong một thể tổng hợp tự nhiên nhất định. Nếu tài nguyên được khai thác và sử dụng một cách hợp lí sẽ góp phần to lớn vào hoạt động du lịch và ngược lại nếu không hợp lí sẽ gây cản trở cho hoạt động du lịch, và không còn hấp dẫn với du khách nữa.

Chương I là sự tổng kết một cách khái quát về những vấn đề lí thuyết có liên quan đến du lịch và Tài nguyên du lịch. Đây sẽ là những vấn đề lí thuyết cơ bản làm cơ sở để vận dụng và đánh giá Tiềm năng du lịch tại Khu du lịch Tràng An, sẽ được trình bày trong Chương tiếp theo của Khoá luận.

CHƯƠNG II: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH TRÀNG AN

2.1. ĐÔI NÉT VỀ TỈNH NINH BÌNH

Ninh Bình là một tỉnh tương đối nhỏ, chỉ có diện tích tự nhiên khoảng: 1.400 km². Tỉnh Ninh Bình có: 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, với 127 xã, 17 phường, 7 thị trấn(Nguồn: UBND tỉnh Ninh Bình).

Vị trí địa lý:

Ninh Bình nằm ở cực Nam của Đồng bằng sông Hồng, cách Hà Nội 90 km về phía Nam, có tọa độ địa lý từ 19⁰50' Bắc đến 20⁰27' Bắc và từ 105⁰32' Đông đến 106⁰27' Đông. Phía Tây và Tây Nam giáp Thanh Hoá, phía Đông và Đông Bắc giáp Hà Nam và Nam Định, phía Nam giáp biển Đông với đường bờ biển dài 15 km. Với vị trí đặc biệt này, Ninh Bình là nơi tiếp giáp giữa Miền Bắc với Miền Trung, giữa đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Mã – 2 cái nôi Văn hoá, văn minh của người Việt, là nơi yết hầu của Bắc – Nam, là địa bàn chiến lược quan trọng của mọi triều đại và Nhà Nước trong lịch sử Việt Nam. Hiện nay, Ninh Bình là một tỉnh nằm gần địa bàn trọng điểm phát triển Du lịch Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, với các tuyến đường huyết mạch quan trọng của cả nước là: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10 và đường sắt thống nhất Bắc – Nam.

Địa hình: Bề mặt địa hình của Ninh Bình rất đa dạng, giàu tiềm năng du lịch sinh thái. Ninh Bình nằm ở phần cuối cùng của Châu thổ sông Hồng, giáp với châu thổ sông Mã. Đồng thời là phần cuối của vùng đệm Hoà Bình – Thanh Hoá thuộc vùng núi Tây Bắc. Do đó mảnh đất này được coi là địa bàn trung chuyển của các hệ thống tự nhiên, có cả rừng núi, bán sơn địa, đồng bằng và biển cả. Với 4 vùng địa linh rõ rệt nên Ninh Bình rất giàu tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, lịch sử...

Khí hậu: Ninh Bình thuộc vùng tiểu khí hậu sông Hồng, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Gió mùa Đông Bắc và Đông Nam, có một mùa đông lạnh nhưng vẫn chịu ảnh hưởng của khí hậu ven biển và rừng núi so với điều kiện trung bình

của vùng vĩ tuyến. Thời tiết trong năm chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm là: $23,5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm trung bình năm là: 85%; Lượng mưa trung bình trên toàn tỉnh là: 1.860 – 1.950 mm.

Thủy văn: Ninh Bình có hệ thống sông ngòi dày đặc. Địa hình đa dạng, độ chia cắt lớn đã tạo nên mật độ sông ngòi và lưu lượng dòng chảy cao (0,6 – 0,9 km/km²). [Nguồn: Sở du lịch Ninh Bình]

Trong hệ thống sông ngòi của tỉnh Ninh Bình thì tiêu biểu nhất là: sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Càn, sông Vạc, sông Xào Khê... Các con sông này không chỉ là mạng lưới giao thông quan trọng mà còn mang lại tiềm năng du lịch lớn, đang được đưa vào khai thác. Thiên nhiên còn ưu đãi, ban tặng cho Ninh Bình hai dòng suối khoáng nóng là: Suối nước nóng Kênh Gà (thuộc huyện Gia Viễn), với lưu lượng: 5m³/h, nước rất sạch, chứa các nguyên tố vi lượng cao, có giá trị chữa bệnh. Suối được phát hiện từ năm 1941, do một nhà Khoa học người Pháp là: M. Rautiet), được đưa vào khai thác từ năm 1962. Còn suối nước nóng Kỳ Phú thì mới được phát hiện, đã và đang được khai thác làm nước uống đóng chai phục vụ du khách.

Sinh vật: Tài nguyên sinh vật Ninh Bình rất đa dạng và phong phú, giàu giá trị sinh học và du lịch. Từ lâu, du khách trong và ngoài nước đã biết đến Ninh Bình với Vườn quốc gia Cúc Phương và khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước Vân Long, cùng với nhiều nguồn tài nguyên sinh vật khác.

Vườn quốc gia Cúc Phương có tổng diện tích: 22.000 ha. Năm 1960, Cúc Phương trở thành Vườn quốc gia đầu tiên và cũng là đơn vị bảo tồn thiên nhiên đầu tiên của Việt Nam. Đây không chỉ là vườn bách thảo, bách thú mà còn là một hệ thống hang động kỳ thú với những tên gọi huyền thoại.

Với diện tích trên 3.000 ha, Vân Long là Khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước lớn nhất Đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời là một vùng du lịch sinh thái tuyệt đẹp riêng của Ninh Bình. Theo thống kê, thì khu Vân Long có 457 loài thực vật bậc cao, đặc biệt có 8 loài được ghi vào trong sách đỏ Việt Nam là: kiêng, lát hoa, tuế lá rộng, cốt toái, bồi, sáng, bách bộ, mã tiền, hoa tán. Về

động vật, Vân Long có 39 loài, đặc biệt có 12 loài động vật quý hiếm. trong đó điển hình nhất là: quần thể Voọc đười ươi trắng lớn nhất Việt Nam với số lượng khoảng 50 con. Đây là loại có nguy cơ tuyệt chủng trên phạm vi toàn cầu. [Nguồn: Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch Ninh Bình].

Lịch sử:

Nhân dân Ninh Bình đã trải qua quá trình lịch sử xây dựng và bảo vệ quê hương lâu dài, qua nhiều thế hệ. Khoa học lịch sử đã chứng minh: Ninh Bình là một vùng đất cổ, có con người cư trú từ rất sớm. Với vị trí là nơi chuyển tải các ảnh hưởng Văn hoá từ lưu vực sông Mã ra phía Bắc, từ lưu vực sông Hồng vào phía Nam, từ miền núi xuống ven biển. Chính vì vậy, “Bộ mặt văn hoá Ninh Bình thời tiền sử khá phong phú, đa dạng” góp phần tạo dựng nền Văn minh Văn Lang – Âu Lạc. [Địa chí dân gian Ninh Bình]. Bước vào vào thời kỳ Bắc thuộc, trải qua hơn một nghìn năm, Ninh Bình lúc thuộc về quận Giao Chỉ (Bắc Bộ), Lúc thuộc về quận Cửu Chân (Thanh Hoá), mãi đến đời Đường mới thành một đơn vị hành chính độc lập là: Trường Châu.

Thời kỳ độc lập, tự chủ của dân tộc Việt, khởi đầu từ thời nhà Đinh, vùng đất Ninh Bình với Hoa Lư là kinh đô của cả nước. Đinh Bộ Lĩnh xuất hiện dẹp loạn 12 sứ quân, thu giang sơn về một mối, lên ngôi hoàng đế (năm 968), đặt tên nước là Đại Cồ Việt, định đô ở Hoa Lư. Hoa Lư là kinh đô đầu tiên của Nhà Nước phong kiến trung ương tập quyền Việt Nam, có cách đây hơn 10 thế kỷ. Sau khi vua Lý Thái Tổ lên ngôi (năm 1009), đến năm 1010 đã quyết định rời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La (sau đổi thành Thăng Long), Hoa Lư không còn giữ vai trò trung tâm của đất nước nữa nhưng vẫn là địa bàn chiến lược quan trọng của trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đến thế kỷ XVII, nhà Trịnh suy yếu, quân Mãn Thanh với hơn 29 vạn quân vào xâm lược nước ta, khởi nghĩa nông dân nổi lên. Mảnh đất Ninh Bình lại một lần nữa là lá chắn vững chắc cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Trong đó, Tam Điệp là nơi Ngô Thì Nhậm dựng phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn,

cũng là nơi vua Quang Trung hội quân, tổ chức cho quân lính ăn Tết sớm rồi thân tốc tiến về giải phóng Thăng Long (vào mùa xuân năm Kỷ Dậu - 1789).

Thế kỷ XIX, mảnh đất này có tên gọi là: “ Thanh Hoa ngoại trấn”. Đến năm Gia Long thứ 5 (tức năm 1806), đổi thành tỉnh Ninh Bình, thành lập huyện Kim Sơn.

Năm 1873, Thực dân Pháp chiếm được Ninh Bình nhưng chúng phải rút lui do gặp phải sự chiến đấu anh dũng của Nhân dân Ninh Bình. Và ách đô hộ của chúng mãi đến năm 1945 mới bị cuộc Cách mạng tháng Tám của nhân dân ta lật đổ. Trong cuộc Kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954), các chiến dịch: Lê Lợi (1950), chiến dịch Tây Nam Ninh Bình , Quang Trung (1951), lại một lần nữa khẳng định ý chí kiên cường, hiên ngang, anh dũng chống giặc của nhân dân Ninh Bình, góp phần cùng nhân dân cả nước đi đến thắng lợi cuối cùng ,giải phóng quê hương vào năm 1954. Cuộc kháng chiến chống Mỹ và công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội của nhân dân Ninh Bình được cả nước công nhận với nhiều danh hiệu cao quý dành cho cá nhân và tập thể.

Từ năm 1986 đến nay, Ninh Bình đang cùng cả nước thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Có thể nói, lịch sử Ninh Bình là lịch sử của một vùng đất anh hùng, giàu truyền thống. Đó là lịch sử dựng nước và giữ nước. Có những lúc là trung tâm của cả nước, nhưng cũng có khi lại âm thầm đóng góp sức mình làm nên lịch sử vẻ vang của dân tộc. Những giá trị đó kết tinh thành truyền thống để hôm nay phát huy hết sức hết tài trong công cuộc xây dựng vùng đất Cố đô ngày một giàu đẹp.

Con người Ninh Bình:

Tính đến ngày 31/12/2005, dân số Ninh Bình là: 925.727 người. Cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trong tỉnh gồm có: dân tộc Kinh (chiếm: hơn 97%), đứng thứ 2 là dân tộc Mường (chiếm khoảng: 1,7%). Ngoài ra còn có các dân tộc khác như: Tày, Thái, Dao, Hoa, Mông...

Cộng đồng người Việt ở Ninh Bình là một cộng đồng không thuần nhất. Nếu ở phía Bắc của tỉnh, cư dân có nguồn gốc lâu đời, mang lại những đặc trưng của người Việt Đồng bằng Bắc Bộ thì ở vùng phía Nam của tỉnh lại là một cộng đồng mới hình thành, có nguồn gốc từ nhiều nơi, là dân tứ xứ đến khai hoang lập ấp trong gần 200 năm trở lại đây. Do thế mà, trong lối sống, phong tục tập quán đến tính cách cũng mang những nét khác biệt.

Người Mường ở Ninh Bình là cộng đồng dân cư có nguồn gốc bản địa. Hiện nay, họ cư trú ở các xã phía Bắc huyện Nho Quan như: Cúc Phương, Thanh Bình, Kỳ Phú... Ở Ninh Bình, người Việt và người Mường có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau.

Là một cộng đồng đa dạng, nhưng con người Ninh Bình đã tạo dựng cho mình những phẩm chất và truyền thống quý báu:

Đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt, đồng ruộng chua phèn, nơi thì quanh năm ngập úng, nơi thì đất mặn, nơi thì ngút ngàn lau sậy, con người Ninh Bình đã tôi luyện cho mình một bản lĩnh vững vàng, đối chọi với thiên nhiên, cần cù, sáng tạo, giàu kinh nghiệm trong lao động, đấu tranh với thiên nhiên tạo dựng quê hương. Cuộc sống khó khăn đó tạo cho con người Ninh Bình một nếp sống giản dị, mộc mạc và tiết kiệm hơn hẳn các địa phương khác ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Người Ninh Bình cũng là những con người rất thông minh và đầy khí tiết. Đinh Tiên Hoàng đã không chịu sống trong cảnh loạn lạc, nước nhà không có chủ đã phát cờ khởi nghĩa, dẹp loạn 12 sứ quân, dựng nền thống nhất, lập nên nước Đại Cồ Việt oai cường ngay trước mặt nhà Tống. Rồi Đinh quốc công Nguyễn Bặc và Ngoại giáp Đinh Điền – hai đại thần khai quốc, một lòng trung thành với nhà Đinh, không chịu khuất phục Lê Hoàn, đã cất quân tiến đánh. Dù phải nhận lấy cái chết đau thương nhưng lại vô cùng bi tráng. Đó là sự biểu hiện cao cả cho khí tiết của con người Ninh Bình.

Là một mảnh đất hay diễn ra các cuộc giao tranh quyết liệt trong lịch sử và cuộc nội chiến của dân tộc, nhân dân Ninh Bình đã hun đúc cho mình

truyền thống đấu tranh anh dũng. Họ cũng là những con người rất yêu thương và gắn bó với quê hương, nơi có phong cảnh hữu tình nổi danh cả nước. Người Ninh Bình luôn có niềm tự hào và kiêu hãnh với mọi người:

“Đây là quê hương Ninh Bình
Ninh Bình từ thuở vua Đinh”

Đó là lối nói tự hào mình từng là dân kinh kỳ, với kinh đô Hoa Lư hiển hách trong lịch sử. Niềm tự hào ấy là có cơ sở từ lịch sử.

Mảnh đất địa linh có núi Dục Thúy, núi Ngọc Mỹ Nhân, lại có núi Kỳ Lân và sông Hoàng Long – nơi phát tiết ra những con người tuấn kiệt. Đinh Bộ Lĩnh cờ lau dẹp loạn, đặt nền móng cho kỷ nguyên phục hưng và văn minh Đại Việt. Nguyễn Minh Không được nhà Lý phong Quốc Sư, nhân dân tôn là bậc Thánh. Rồi đến Trương Hán Siêu – nhà văn hoá nổi tiếng thời Trần, được các vua Trần gọi bằng thầy. Đời Nguyễn có Vũ Duy Thanh đỗ bác học hoành toàn, đệ nhất giáp, đệ nhị danh: “ mũ áo ân điển ngang với Trạng nguyên”. Kháng chiến chống Pháp có người anh hùng trẻ tuổi Lương Văn Tuy đã cầm cờ búa liềm trên núi Dục Thúy – nơi quân giặc đóng quân. Rồi anh dũng hy sinh khi tuổi vừa tròn 18... Thời nào, Ninh Bình cũng có những nhân tài hào kiệt.

Con người Ninh Bình là như vậy, sinh ra trên quê hương giàu truyền thống, lại khắc nghiệt, đã tạo ra một tính cách người dân nơi đây sự cần cù, tần tảo và tằn tiện. Nhưng quê hương có linh khí đế vương ấy cũng tạo cho con người lòng quả cảm, thông minh và đầy khí tiết.

Văn hoá Ninh Bình:

Trước hết, văn hoá Ninh Bình tuy mang cốt cách văn hoá đồng bằng Bắc Bộ đậm nét nhưng lại hoà quyện với những dấu ấn văn hoá Bắc Trung Bộ một cách hài hoà. Đó là tính cách con người tuy thâm trầm, thanh cao, sâu sắc nhưng lại rất tằn tảo trong lao động, tằn tiện trong sinh hoạt, nghiêm khắc với bản thân mình.

Ninh Bình là vùng đất *hội nhập cả văn hoá Việt và văn hoá Mường*, giữa văn hoá của bộ phận dân cư lâu đời với văn hoá của cộng đồng ven biển khai phá đất bãi, đồi hoang mới được hình thành. Trong khi, bộ phận dân cư phía Bắc là những người định cư từ hàng ngàn năm nay, sống thâm trầm sâu sắc, tần tảo và tần tiện, rất coi trọng việc học hành, đỗ đạt thì một bộ phận dân cư ven biển ở phía Nam (chủ yếu là dân tứ xứ) lại sống khoáng đạt, hào phóng, không gò bó và rất nhanh nhạy với cái mới, có chí làm giàu. Vì vậy, mà xuất hiện hai nền văn hoá khác nhau giữa hai vùng.

Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá của Ninh Bình hiện nay rất phong phú với tổng số 110 di tích đã được xếp hạng trong đó có 64 di tích đã được xếp hạng là di tích văn hoá lịch sử cấp quốc gia và 46 di tích được công nhận là di tích văn hoá lịch sử cấp thành phố. Các di tích phân bố khá đều, thường có cảnh quan sinh động, mang đậm tính truyền thống, là những điểm du lịch thu hút số lượng khá đông khách tham quan mỗi ngày.

Ninh Bình cũng là một địa phương có nhiều *làng nghề thủ công truyền thống* nổi tiếng có giá trị kinh tế cao. Tiêu biểu là: làng nghề thêu ren Văn Lâm, chạm khắc đá Ninh Vân, chiếu cói Kim Sơn... Làng nghề đang dần trở thành điểm du lịch hấp dẫn ở Ninh Bình.

Bên cạnh đó, Ninh Bình còn là nơi diễn ra nhiều *lễ hội truyền thống* được cả nước biết đến như: Lễ hội Trường Yên, Lễ hội chùa Bái Đính, Lễ hội đền Thái Vi... Trong đó, nổi tiếng nhất là Lễ hội Trường Yên được tổ chức vào ngày mùng 8 đến mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm tại xã Trường Yên, huyện Hoa Lư để tưởng nhớ công đức của hai vị vua Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Lễ hội này là một lễ hội trọng điểm của ngành du lịch Ninh Bình.

Văn hoá ẩm thực: Ninh Bình cũng rất hấp dẫn du khách với những món ăn đặc sản như: Com cháy (nhất hưởng thiên kim), Nem chua Yên Mạc (Yên Mô), mắm tép (Gia Viễn), Tái dê Hoa Lư, Gỏi nhệch Kim Sơn... Bên cạnh đó, còn có những thức uống nổi tiếng như: Rượu cần Nho Quan, rượu Lai Thành Kim Sơn, Trà Sơn Kim Cúc...

Có thể nói văn hoá Ninh Bình đa dạng và phong phú: vẫn nằm trong văn hoá chung của Đồng bằng Bắc Bộ, nhưng lại có sự hoà quyện tuyệt vời với những yếu tố văn hoá miền núi Tây Bắc và miền Bắc Trung Bộ. Văn hoá Ninh Bình cũng tạo nên giá trị du lịch to lớn từ các làng nghề truyền thống, các lễ hội, các loại hình nghệ thuật văn hoá dân gian, nghệ thuật ẩm thực... Đó là động lực để du lịch Ninh Bình phát triển trong thời đại mới. Trong đó, khu du lịch Tràng An với những công trình văn hoá, nghệ thuật được tạo ra do thiên nhiên và con người nơi đây. Lại được phát hiện ngay trong thời kỳ đổi mới đã góp phần tôn vinh các giá trị lịch sử hàng ngàn năm của đất và người Ninh Bình. Chính những giá trị lịch sử liên quan đã làm cho Khu du lịch càng tăng thêm giá trị.

2.2. TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA KHU DU LỊCH TRÀNG AN

2.2.1. Khái quát về Khu du lịch Tràng An

Khu du lịch Tràng An là một khu du lịch tổng hợp gồm: Du lịch sinh thái, văn hoá, lịch sử, tâm linh... được thành lập ở tỉnh Ninh Bình. Tràng An là khu du lịch gắn liền với kinh thành xưa của Cố đô Hoa Lư. Theo quyết định số 865/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ Việt Nam ban hành năm 2008, Tràng An sẽ cùng Hạ Long, Cát Bà ở miền Bắc là những địa danh du lịch được đầu tư để trở thành những địa danh du lịch mang tầm cỡ quốc tế. Trong tương lai, Tràng An sẽ trở thành khu du lịch tổng hợp lớn nhất Ninh Bình. Trong khu du lịch này, có nhiều thắng cảnh đẹp với núi rừng, hang động, sông suối, đền chùa, phủ...

Khu du lịch Tràng An nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Ninh Bình, thuộc địa phận của các xã: Trường Yên, Ninh Xuân, Ninh Hải (của huyện Hoa Lư), xã Gia Sinh (của huyện Gia Viễn), xã Ninh Nhất (của phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình), có diện tích là: 1.566 ha được phát hiện cách đây vài năm (từ năm 2001). Trung tâm bên thuyền cách thành phố Ninh Bình 6 km, cách Hà Nội hơn 90 km, lại gần với Quốc lộ 1A – tuyến đường huyết mạch của cả nước. Nên rất thuận tiện cho việc đi lại của du khách.

Hang động ở khu du lịch Tràng An là một phần quan trọng ở phía Nam Kinh đô Hoa Lư – hậu cứ để bảo vệ Kinh đô Hoa Lư xưa, cùng với nhiều dãy núi khác trên mảnh đất Ninh Bình, mãi trường tồn với thời gian. Nơi đây có núi non trùng điệp, hang động kỳ ảo, sông ngòi gấp khúc, thung lũng đan xen hoà quyện vào nhau tạo nên một kỳ quan thiên nhiên độc đáo, mỹ lệ.

Trong hai ngày 16 và 17/10/2008, Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình, Hội di sản văn hoá Việt Nam đã tổ chức Hội thảo Khoa học về: “ Giá trị Di sản văn hoá Cố đô Hoa Lư và khu du lịch Tràng An” nhằm tiến tới đề nghị UNESCO công nhận Cố đô Hoa Lư là Di sản văn hoá thế giới và khu du lịch Tràng An là Di sản thiên nhiên thế giới. Với tiềm năng du lịch sinh thái, văn hoá, tâm linh, lịch sử... Tràng An là một điểm du lịch rất hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

Quy hoạch khu du lịch Tràng An đã được điều chỉnh bổ sung để phù hợp với thực tế, và đã được UBND Tỉnh Ninh Bình phê duyệt tại quyết định số 2570/QĐ –UBND ngày 18/11/2005. Theo quy hoạch điều chỉnh, bổ sung thì Khu du lịch Tràng An được quy hoạch với 4 khu chức năng sau:

+ Khu bảo tồn đặc biệt Cố đô Hoa Lư: có tổng diện tích: 336,7 ha. Là khu bảo tồn đặc biệt đã được Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch Ninh Bình triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết năm 2004 với các loại hình du lịch như: văn hoá, lịch sử, du lịch lễ hội, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái...

+ Khu trung tâm: được xây dựng trên khu đất có diện tích: 80,9 ha (Theo quy hoạch chi tiết là 99,31 ha). Vị trí tại thung Áng Mương, thung Đồng Sản và thung Xa Liễn. Đây là trung tâm của khu du lịch Tràng An – có chức năng đón tiếp và hướng dẫn khách vào khu du lịch, xác định chương trình du lịch, giới thiệu và hướng dẫn khách tham gia các lộ trình du lịch (9 lộ trình đường thuỷ và 2 lộ trình đường bộ), phục vụ các nhu cầu ăn, nghỉ, và các dịch vụ du lịch của du khách.... Hàng năm tại đây có tổ chức các Lễ hội văn hoá, thương mại như: Lễ hội cây cảnh, lễ hội làng nghề truyền thống... Nơi đây còn là địa điểm lý tưởng để tổ chức các hội nghị, hội thảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

+ Khu hệ thống hang động: Có tổng diện tích là: 555,2 ha, bao gồm 31 thung, và 48 hang động dài khoảng 12 km được bố trí thành 3 phân khu:

Khu 1: là khu tập hợp các hang động thung lũng chính nằm xung quanh khu trung tâm. Với diện tích là: 380,29 ha, là nơi lý tưởng trong hành trình thăm quan tại hang động Tràng An.

Khu 2: Diện tích gồm: 59,86 ha, gồm thung Đá Bàn, các hang động và thung lũng phía Đông sông Sào Khê. Chức năng của khu này là đón tiếp khách du lịch, tham gia các lộ trình du lịch phía Đông sông Sào Khê.

Khu 3: Diện tích là: 115 ha, vị trí tại khu hồ Đàm Thị, được quy hoạch nằm bên đường giao thông ĐT491.

+ Khu chùa Bái Đính: Có diện tích là: 107,6 ha (Theo quy hoạch chi tiết Khu núi chùa Bái Đính được mở rộng thành 390 ha). Theo lịch sử triều Đinh – Lê đến triều Lý - Trần, đạo Phật ở Việt Nam rất phát triển và được coi là quốc đạo.

Khu du lịch Tràng An nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Ninh Bình, lại nằm gần khu di tích Cố đô Hoa Lư nên càng thêm lộng lẫy, góp phần tô điểm và khẳng định giá trị lịch sử của Cố đô Hoa Lư [Kinh đô Hoa Lư xưa và nay].

2.2.2. Điều kiện tự nhiên và Tài nguyên du lịch tự nhiên:

2.2.2.1. Địa hình – địa mạo:

Tràng An là một khu du lịch có địa hình chủ yếu là núi rừng, thung lũng và hang động. Địa hình được chia làm 2 vùng rõ rệt: vùng đồng bằng và vùng núi:

Vùng đồng bằng: có diện tích không nhiều, địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai khá màu mỡ nhưng lại xen kẽ nhiều vùng núi thấp trũng do đó chỉ có thể canh tác một vụ lúa.

Vùng núi: bao gồm những dải núi đá vôi, chủ yếu nằm phía Tây Nam của huyện Hoa Lư và Đông Bắc của huyện Gia Viễn. Địa hình phức tạp, có nhiều hang động, núi xen kẽ với đầm lầy, ruộng trũng ven núi.

Hang động được coi là tài nguyên thiên nhiên vô giá của Khu du lịch Tràng An. Hệ thống hang động trong khu vực này khá đa dạng, tạo nên cảnh đẹp đặc sắc. Hang động nơi đây không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên kỳ thú mà mỗi hang động lại gắn với giá trị lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng riêng; mỗi hang động đều gắn với các truyền thuyết và có văn bia riêng. Một bộ phận hang động nơi đây được coi là cửa Phật, tiêu biểu là Động Bái Đính: Động gồm hai hang nằm ở hai bên – đó là hang Sáng và hang Tối. Hang Sáng (động Sáng): thờ Phật và nằm ở bên phải, có chiều cao là 2m, dài 25m, rộng 15m, hang tương đối bằng phẳng. Đối diện với động Sáng là động Tối. Động Tối cao và rộng hơn nhiều so với động Sáng, gồm có 7 hang (còn gọi là; 7 buồng). Động được cộng nhận là: “ di tích lịch sử - văn hoá Nam chùa Bái Đính”.

Nằm trên độ cao 40 – 60m, có một hang được gọi là động Người Xưa (Tràng An). Đây là một hang Karstơ khá đặc biệt của khối núi đá vôi này. Cửa hang nằm ở phần cao, song phía trong hang lại phát triển theo chiều sâu, lòng hang sâu gần 100m so với cửa. Hệ thống nhũ đá ở đây còn khá nguyên vẹn với nhiều hình thù độc đáo khác nhau, có những chuỗi nhũ dài hàng chục mét chạy dài từ trên đỉnh xuống sát đáy của động. Động Người Xưa còn có nhiều ngấn thông với nhau qua một máng sỏi cuội lớn, có thể là dấu tích của một con suối ngầm [...]. Đặc biệt ở ngay mái đá trước cửa động là một đồng vò ốc cao hàng mét đã hoá thạch – di tích về sự sống của người tiền sử. Hiện nay, động vẫn được các nhà khoa học nghiên cứu và khám phá.

Ngoài ra, khu du lịch Tràng An còn có một hệ thống các hang động xuyên thuỷ rất đẹp và hấp dẫn du khách. Trên đường đi tham quan hang động Tràng An, du khách còn bắt gặp nhiều cảnh quan đặc sắc do thiên nhiên tạo ra với nhiều hình dạng khác nhau. Chẳng hạn như: hòn Ông Trạng – kiểu địa hình “Hạ Long trên cạn”, kiểu địa hình này được hình thành trên các trầm tích có độ phân lớp khác nhau. Các lớp dày hơn thường tạo địa hình Karstơ với những đỉnh cao, đôi nơi lại có hình lưỡi mác độc đáo, được ví như rừng đá, lại cũng có nơi tạo nên các khối đá cao vút như hòn Bút Tháp. Các đá vôi có

phân lớp mỏng tạo nên một địa hình với các via đá chồng xếp lên nhau như hình tập sách (hòn Tập Sách)...

Như vậy, địa hình của khu vực Tràng An rất thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Tại đây có tới 100 hang động với tổng chiều dài là gần 20 km, xen kẽ là những dãy núi đá vôi là nhiều thung lũng. Với đặc điểm này, thiên nhiên đã ưu đãi cho Tràng An một cảnh quan đẹp, hấp dẫn với những dãy núi đá vôi trùng điệp, bao quanh các thung lũng là các hồ nước nối tiếp nhau vừa hùng vĩ vừa nên thơ.

2.2.2.2. Khí hậu

Khu du lịch Tràng An có khí hậu nằm trong vùng khí hậu Ninh Bình. Khí hậu là một phần quan trọng của môi trường tự nhiên, và rất quan trọng đối với thời vụ du lịch. Khí hậu Ninh Bình khá thuận lợi cho hoạt động du lịch.

Khí hậu của vùng thuộc vùng tiểu khí hậu sông Hồng, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc, Đông Nam và một mùa đông lạnh nhưng vẫn chịu ảnh hưởng nhiều của khí hậu ven biển và rừng núi. Thời tiết chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10.

Theo số liệu của TCVN 4088 -85, Trạm khí tượng và thủy văn Ninh Bình thì khí hậu của vùng có những đặc trưng sau:

- Nhiệt độ không khí: Nhiệt độ trung bình hàng năm là: 23,5°C

Nhiệt độ cực tiểu tuyệt đối là: 5,5°C

Nhiệt độ cực đại tuyệt đối là: 41,5°C

Tháng 7 có nhiệt độ trung bình cao nhất là 29,3⁰ C. Tháng 1 có nhiệt độ trung bình thấp nhất là 17,9⁰ C.

Tổng số giờ nắng Trung bình năm là: 1.646 giờ; Số giờ nắng trung bình mỗi tháng là: 117,3 giờ, Tháng 6 cao nhất với 187,4 giờ; Tháng 2 thấp nhất với 24,3 giờ.

Tổng nhiệt độ trung bình cả năm là hơn 8.500⁰C. Có tới 8 – 9 tháng trong năm có nhiệt độ trung bình trên 20⁰ C.

Độ ẩm không khí trung bình hàng năm là: 85% và có sự chênh lệch không nhiều giữa các tháng trong năm. Tháng 2 cao nhất với độ ẩm không khí là: 89%, tháng 11 có độ ẩm không khí thấp nhất với độ ẩm không khí là: 75%.

- Lượng mưa trung bình năm là: 1.781 mm. Trung bình một năm có 125 – 127 ngày mưa. Lượng mưa trung bình mỗi tháng là: 238,8 mm. Tháng 9 cao nhất với: 816 mm. Tháng 1 thấp nhất là: 8,5 mm. Lượng mưa tập trung vào các tháng 5, 6, 7, 8, 9,10 và chiếm từ 86% - 91% tổng lượng mưa hàng năm.

- Hướng gió chính thịnh hành trong năm: Mùa Đông: có hướng gió chính là hướng Bắc và Đông Bắc; Mùa hè: có hướng Nam và Đông Nam.

Ngoài ra còn có các hiện tượng thời tiết đặc biệt như: giông, bão...

2.2.2.3. Thủy văn

Khu du lịch Tràng An nằm trong hệ thống dày đặc các sông như: sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Bôi, sông Sào Khê, sông Vân Sàng, sông Vạc... Hầu hết các sông đều đổ ra sông Hoàng Long và sông Đáy rồi chảy ra cửa Đáy, cửa Vạc. Trong đó sông Hoàng Long là tiêu biểu nhất.

Sông Hoàng Long không chỉ gắn liền với truyền thuyết: Rồng vàng cứu Đinh Bộ Lĩnh từ thuở hàn vi, mà sông Hoàng Long còn có giá trị là: “bức tường thành thiên nhiên nước” bảo vệ Kinh đô Hoa Lư xưa, lại vừa là đường giao thông thủy tương đối thuận tiện. Từ sông Hoàng Long có hai hướng là hai đường thủy rất quan trọng. Đó là: Hướng đi về phía Đông: đi theo sông Hoàng Long – đến ngã ba Gián Khẩu, gặp sông Đáy – xuôi theo sông Đáy rồi đổ ra biển; Hướng thứ 2 là hướng đi về phía Tây: theo sông Hoàng Long – ngược lên phía Bắc và Tây Bắc sẽ đến sông Bôi, và sông Lạng của tỉnh Hoà Bình. Như vậy có thể nói: Sông Hoàng Long vừa là cảng sông vừa là đầu mối giao thông thủy quan trọng nhất của Kinh đô Hoa Lư xưa. Xưa kia, các sứ giả của phong kiến Trung Quốc muốn đến Kinh đô Hoa Lư, hay các sứ giả của nước ta muốn sang Trung Quốc thì đều phải vào, ra từ sông Hoàng Long.

Không những thế, sông Hoàng Long còn gắn liền với mốc lịch sử to lớn của dân tộc - đó là cuộc dời đô của vua Lý Thái Tổ vào năm 1010. [Kinh đô Hoa Lu xưa và nay].

Trong khu hang động Tràng An thì không có sông mà chỉ có các thung nước (hồ lớn), có lạch nhỏ. Tại đây có tới 30 thung (hồ lớn), trong đó thung rộng nhất là thung Đền Trần, có diện tích là 241.600m², thấp nhất là thung Sáng có diện tích 15.400m². Hiện nay, có một số thung trước là vùng trồng lúa của cư dân, nay đã được nạo vét bùn tạo thành một vùng ngập nước, thuận lợi cho việc chèo thuyền đưa du khách tham quan quần thể hang động Tràng An.

Tuy nhiên, vào mùa mưa, nước tại Khu du lịch Tràng An dâng cao, còn mùa khô lại thiếu nước. Đây là một hạn chế về thủy văn của khu du lịch Tràng An. Để khắc phục hạn chế trên, có một dự án xây dựng các trạm bơm, cụm cống và đập nhằm tiêu nước từ khu hang động ra các con sông nằm trong khu vực này vào mùa mưa và lấy nước từ sông cung cấp cho hệ thống giao thông thủy vào mùa khô nhằm giữ nước cho hệ thống giao thông này

2.2.2.4. Tài nguyên sinh vật

Khu du lịch Tràng An có hai dạng Hệ sinh thái chính là: Hệ sinh thái trên đá vôi và hệ sinh thái thủy vực (trên các thung). Ở đây sự đa dạng sinh vật là một yếu tố chủ yếu cấu thành hai hệ sinh thái này.

*** Hệ sinh thái trên núi đá vôi:**

+ Hệ thực vật: các dãy núi đá vôi được tạo thành từ nhiều thế kỷ. Trên thung có các hốc đá và các khe đá tạo thành nơi chứa nhiều mùn để cho các loài thực vật bám rễ và phát triển. Điều kiện tại khu du lịch Tràng An rất thích hợp cho các thực vật sống trên núi đá vôi do khí hậu nằm trong vùng nóng ẩm nhiệt đới gió mùa nên kéo theo thực vật và động vật sống trong rừng núi đá.

+ Thảm thực vật bao gồm:

Trảng cây bụi thứ sinh trên đá vôi: Trước đây khi chưa bị khai thác thì

trên núi đá vôi có rừng kín xanh nhiệt đới ẩm cây lá rộng với các loài cây gỗ điển hình như: nghiến, trai, đinh hương, lát hoa... Nhưng quá trình xói mòn đất xảy ra khá mạnh, các cây gỗ lớn bị triệt hạ nên hiện tại chỉ là các trảng cây bụi hiện tại cao 2m – 4m, độ che phủ khoảng 40 – 50 %.

Trảng cây bụi thứ sinh trên đất dày, ẩm phân bố rải rác khắp các khu vực ở các chân núi hoặc cây bụi gần hồ gồm các cây bụi gần hồ gồm các loài như: cỏ Lào, lau, lách, cỏ Trấu, cỏ Tranh...

Trảng cây tròng: gồm các cây lương thực, bóng mát, cây làm vật liệu xây dựng, cây cảnh và cây ăn quả.

+ Hệ động vật: Có 73 loài chim, trong đó bộ Sẻ có số lượng họ và loài sống trong sinh cảnh rừng, trảng cây bụi. Có 3 loài quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam năm 2007. Trong đó, có hai loài đặc hữu chỉ có ở Việt Nam là: gà tiền mặt vàng và riệc nâu (mức VU, là loài đặc hữu Việt Nam), và gà lôi trắng (mức LR, có hai phân loài đặc hữu ở Việt Nam). Ngoài ra còn có 41 loài thú, 32 loài bò sát, ếch nhái thuộc 13 họ, 4 bộ, 2 lớp. Trong thành phần nhóm bò sát lưỡng cư thì nhóm rắn có số loài đông nhất, tiếp đến là thằn lằn, nhóm rùa là thấp nhất.

*** Hệ sinh thái thủy vực:**

Hệ sinh thái thủy vực được hình thành bởi các thung, hàng năm đủ nước. Nước tại khu du lịch Tràng An nhìn chung còn khá sạch, ít bị tác động của con người đảm bảo được chức năng của một hệ sinh thái thủy vực bảo hoà. Trong các thung có nhiều loài thủy sinh thực vật và động vật.

+ Hệ thực vật thủy sinh: có 19 loài sống chìm trong nước, 11 loài sống trôi nổi, 30 loài có rễ ăn sâu trong lòng đất, thân và lá nhô lên trên mặt nước. Đa số loài thực vật thủy sinh ở đây là những loài mọc tự nhiên trong các thủy vực nguyên sơ chưa bị tác động của con người. Đa số các loài thực vật là những loài phổ biến ngoài tự nhiên nên ít bị đe dọa. Những loài thực vật ngoi trên mặt nước có dễ, hoặc thân ngầm mọc xen với những thực vật ngoi trên mặt nước như: súng, trang. Các loại bèo Ong, bèo Tắm, bèo Cái, bèo Hoa

Dâu...là những loài điển hình nổi trên mặt nước, chúng thường mọc xen kẽ trong đám thực vật ven bờ. Phân bố của các nhóm thực vật thuỷ sinh theo thứ tự sau: Vùng ven bờ thường có nhiều loài thực vật sống ngoi trên mặt nước và thực vật có lá nổi, tiếp theo là các loài thực vật sống chìm dưới nước (như loài rong đuôi chuồn) chúng tạo thành một thảm thực vật dưới làn nước trong vắt. Cảnh sắc đó làm mê hồn những du khách trên thuyền.

+ Động vật thuỷ sinh: Đa phần là các loài động vật nổi trên mặt nước như các loài thuộc nhóm trùng bánh xe và chân mái chèo, chủ yếu xuất hiện nhiều tại các thuỷ vật tự nhiên sạch, chưa bị tác động của con người và nước thải sinh hoạt. Tại đây cũng có một số loài thân mềm hai mảnh vỏ như: trai, hến nước ngọt; lớp chân bụng: ốc vặn, ốc đá; nhóm giáp xác (tôm, cua)... Ngoài ra, tại đây còn có 53 loài cá thuộc 20 họ. Trong đó, nhiều nhất là cá chép và các loài cá mại, cá giếc, cá trắm đen, cá chày, cá chuối hoa, cá quả, cá rô đồng...

Sự phong phú, đa dạng về tài nguyên tự nhiên tại khu du lịch Tràng An đã tạo nên một Tràng An rất đẹp, rất hấp dẫn đối với du khách, cũng rất thuận lợi để phát triển loại hình du lịch sinh thái.

2.2.3. Điều kiện kinh tế - xã hội và Tài nguyên du lịch nhân văn

2.2.3.1. Điều kiện Kinh tế - xã hội

* **Dân cư:** Dân cư sống ở khu du lịch Tràng An thuộc phần lớn dân cư của huyện Hoa Lư, một phần của huyện Gia Viễn, Nho Quan – nơi có một bộ phận người Mường có phong tục tập quán, sinh hoạt truyền thống mang đặc trưng riêng của tộc người Mường của Việt Nam. Sự giao lưu, hoà quyện giữa hai nền văn hoá Việt – Mường tạo nên con người trong khu vực Tràng An thuần nông, chất phác, hiền hậu, thật thà, giàu truyền thống cách mạng, lại khéo tay làm nên nhiều mặt hàng thủ công mỹ nghệ đặc sắc, rất hấp dẫn đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Điều kiện sinh hoạt của họ còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp. Toàn huyện Hoa Lư có 16 xã thì mãi đến năm

2003 mới phổ cập 100% hết Trung học cơ sở [nguồn: phòng Văn hoá thông tin huyện Hoa Lư].

* **Kinh tế:** Trước khi có hoạt động du lịch thì thu nhập chính của người dân nơi đây là từ nông nghiệp lúa nước. Tuy nhiên do diện tích đất bị che chắn bởi các dãy núi nên đất nông nghiệp ở đây không màu mỡ, lại nằm trong vùng đất trũng dưới chân núi nên dễ bị úng lụt vào mùa mưa, làm cho việc sản xuất nông nghiệp không cao. Ngoài Nông nghiệp, tại một số thôn của xã Ninh Vân có nghề thủ công truyền thống là thêu ren và chạm khắc đá nhưng chỉ mang tính chất nhỏ lẻ, hộ gia đình quy tụ tại một số làng.

* **Xã hội:** Trong những năm gần đây đời sống của nhân dân đã được cải thiện đáng kể, song vẫn còn nhiều khó khăn. Số lượng gia đình có người già và trẻ em vẫn chiếm một tỷ lệ cao, thu nhập của người dân thấp. Ngoài mùa nông vụ họ phải đi làm thuê, làm mướn, lên rừng kiếm củi, nuôi thả dê núi. Khi có hoạt động du lịch, đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể. Một số người tham gia vào hoạt động du lịch như: mở nhà hàng ăn uống, bán hàng lưu niệm, chèo thuyền, chở xe ôm... góp phần tăng thu nhập cho bản thân và gia đình, nhận thức và trình độ dân trí tăng lên đáng kể góp phần cải thiện cuộc sống.

2.2.3.2. Các giá trị di khảo cổ học:

Trong Khu du lịch Tràng An mới phát hiện và tìm thấy 15 di tích Khảo cổ học hang động tập trung chủ yếu tại địa phận của hai huyện là: Huyện Hoa Lư và Huyện Gia Viễn. Dưới đây là một số các di chỉ khảo cổ học tiêu biểu:

Huyện Hoa Lư:

Mái đá Chợ: (còn được gọi là hang Chợ) ở phía Đông Bắc thôn Đoàn Khê, xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư; có tọa độ địa lý là 20^o14'298'' Bắc và 105^o53'984'' Đông, cao 135m so với mặt biển. Mái đá rộng ngang 40m, ăn sâu từ giọt nước tới vách trong mái đá 12m, cách cửa mái đá 50m là một núi đá khác che chắn toàn bộ của mái đá, lòng mái đá phẳng, hơi dốc ra bên

ngoài, một số chỗ phủ nhũ. Mái đá này do Nguyễn Văn Lữ phát hiện vào năm 2007. Tại đây các nhà khảo cổ học đã đào một hố để thăm dò và tìm thấy vỏ ốc núi, ốc suối, xương động vật, vài mảnh tước đá và nhiều than tro.

Mái đá ông Hay: (mang tên người đã từng cư trú tại đây) nằm ở thôn Đoan Khê, xã Ninh Hoà; có toạ độ địa lý: 20⁰14'319'' vĩ Bắc và 105⁰53'179'' kinh Đông, cao 5 m so với mặt biển, cách Mái đá Chợ khoảng 150m về phía Tây Bắc. Mái đá có hướng Đông Nam, diện tích có thể khai quật rộng trên 50m². Mái đá nhỏ nhưng thoáng, nhìn ra một thung lũng đầy lau lách. Mái đá do Nguyễn Văn Lữ phát hiện vào năm 2007, cùng với phát hiện ra Mái đá Chợ. Tại đây, ông đã tìm thấy vỏ ốc núi, ốc suối, ốc biển và xương động vật. Theo ông, di tích này thuộc thời đại kim khí. Mái đá Ông Hay có khả năng khai quật, nghiên cứu và làm điểm du lịch tham quan trên tuyến kênh đào Đoan Khê – Tràng An sau này.

Mái đá Vàng (gọi theo trầm tích màu vàng bám trên mái đá); nằm ở phía Tây Bắc, thôn Đoan Khê, xã Ninh Hoà; cao 14,3m so với mặt biển. Cửa mái đá quay hướng Tây Nam, nhìn ra thung lũng thấp. Tại đây có gia đình ông Nguyễn Văn Hoan đang cư trú tại mái đá. Mái đá rộng ngang khoảng 60m, chiều sâu từ cửa tới vách là 4m. Lòng mái đá phẳng, dốc nghiêng, diện tích rộng trên 200m². Tại đây các nhà Khoa học đã tìm thấy các vỏ nhuyễn thể nước ngọt như: ốc núi, ốc suối, vỏ hàu cửa sông; đặc biệt tìm thấy chày đá có đầu và một số mảnh gốm sứ.

Hang Hoa Sơn (còn gọi là Hoa Sơn động), thuộc thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hoà. Hang được cải tạo làm nơi thờ Phật. Cửa hang cao 9m, quay hướng Đông Bắc. Nền hang có nhiều cấp, so với thung lũng trước cửa hang thì hang cao 3m. Lòng hang chỗ rộng nhất là 12m, sâu 40m, có một ngạch nhỏ thông ra ngoài. Trên trần và vách hang có nhiều tầng trầm tích màu vàng.

Hang Bói: Do Nguyễn Văn Lữ và Nguyễn Cao Tấn phát hiện vào năm 2002. Những người khảo sát cho biết: Lòng hang có nhiều vỏ ốc núi, ít ốc suối, xương động vật và các mảnh tước đá cuội. Trên mặt hang còn có các

tảng nhũ lớn bao phủ. Hang có niên đại Hoà Bình sớm [Nguyễn Văn Lữ và Nguyễn Cao Tấn].

Hang Bói đã được các Nhà khảo cổ ở Trường Đại học tổng hợp Cambridge và một số tổ chức nước ngoài khác khai quật vào năm 2007. Hang trên rộng 19,7m, ăn sâu vào 10m. Hang có toạ độ 20⁰15'32'' vĩ Bắc và 105⁰53'17'' kinh Đông. Trong hố đào tìm thấy chủ yếu là vỏ ốc núi, một số ít xương động vật (hươu, nai, lợn, chó...) và một vài công cụ đá. Hang Bói thuộc Văn hoá Hoà Bình [Rabett, et all, 2007].

Hang Vượn Trên: (còn gọi là hang Đá Chứa hoặc hội trường), thuộc thôn Chi Phong, xã Trường Yên, cạnh thành nhà Đinh. Hang có hướng Tây, cửa hang cao 2,6m; rộng 7m; ăn sâu vào lòng hang 4,2m. Lòng hang khá bằng phẳng do trước đây cải tạo thành hội trường trong thời sơ tán chống Mỹ cứu nước. Trên vách hang, phía gần cửa hang có nhiều trầm tích và các vỏ ốc và xương động vật.

Hang Vượn Dưới: (còn gọi là Hang Trâu hoặc Cột Cờ), cũng thuộc thôn Chi Phong, xã Trường Yên, cạnh thành nhà Đinh và các hang Vượn trên. Hang rộng và thoáng, cửa hang rộng khoảng 22,5 m; ăn sâu vào lòng hang khoảng 14,7 m; nền hang cao tới 10 m so với mực nước biển. Trên vách hang và trần hang có các tầng trầm tích màu vàng sẫm hoặc nâu đen.

Hang Thiên Tôn: (còn gọi là Thiên Tôn động), thuộc xã Trường Yên, cạnh khu công sở UBND huyện Hoa Lư. Hang có hai khoang: khoang trong và khoang ngoài. Khoang ngoài rộng khoảng 35 m; ăn sâu vào 10m. Ngách trong gần tròn, rộng khoảng 10 m; ăn sâu vào 10,7 m. Giữa hai khoang là một hành lang, nơi đặt các ban thờ Phật.

Huyện Gia Viễn: Khu vực này có nhiều hang động. Riêng trong núi Thung Bình, thuộc thôn 7, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn có tới 5 hang động. Các hang này đều nằm gần nhau và cùng ở mặt đông của quả núi cùng tên, gần núi Bái Đính.

Hang Thung Bình 1 (còn gọi là hang Thanh): lòng hang rộng hình chữ “U”, rộng khoảng 13m; ăn sâu vào vách trong khoảng 15m. Lòng hang khá phẳng, hơi dốc và nghiêng vào trong. Nền hang cao hơn mặt biển 13m, cửa hang cao 4m. Tại cửa hang có một số tảng đá vôi lớn rơi từ trần xuống. Trên vách hang tìm thấy một số tảng trầm tích màu vàng và một số tảng trầm tích màu đỏ. Hiện chưa tìm thấy các tảng trầm tích trong hang này. Song hang Thung Bình 1 là một di tích khảo cổ, có thể khai quật và làm điểm du lịch tại chỗ.

Hang Thung Bình 2: (còn gọi là Hang Sáo): Hang cao khoảng 27m so với mực nước biển và 17m so với thung lũng gần cửa hang. Cửa hang cao 3,6m; có hướng chính Đông, nhìn ra thung lũng trồng lúa khá bằng phẳng. Nền hang có hình bán nguyệt, khá bằng phẳng và có một số tảng đá vôi rơi từ trần hang xuống. Trên vách hang được tìm thấy các tảng trầm tích màu vàng, ốc núi và một số mảnh gốm sứ khác.

Ngoài ra, còn có các hang khác như hang Thung Bình 3, hang Thung Bình 4, hang Thung Bình 5... cũng có nhiều những dấu tích khảo cổ học. Kết quả khảo sát và nghiên cứu các di tích khảo cổ hang động Thung Bình đều cho thấy kết luận sơ bộ: các di tích này có vết tích văn hoá từ thời tiền sử, còn khá nguyên vẹn, có thể khai quật và bảo tồn tại chỗ được. Các di tích Thung Bình này lại nằm rất gần với chùa Bái Đính, mà trong tương lai sẽ trở thành trung tâm Phật giáo lớn nhất Việt Nam. Vì vậy, có thể liên hệ với nhau để tạo ra những tuyến du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước.

2.2.3.3. Các giá trị văn hoá:

Khu du lịch Tràng An không chỉ có giá trị về mặt sinh thái, tự nhiên, các giá trị về khảo cổ học mà còn chứa đựng nhiều yếu tố văn hoá.

Yếu tố văn hoá được thể hiện ngay trong tên gọi của các hang động. Mỗi hang động trong Khu du lịch Tràng An mang một cái tên riêng, không biết từ bao giờ, không biết ai đã đặt tên cho các hang động nơi đây. Nào là

hang Sáng, hang Tối, hang Seo Lớn, Seo Bé, hang Luồn. Nào là hang Nấu Rượu, hang Sơn Dương... Mỗi hang động đều gắn với một truyền thuyết, quan niệm mang đậm tính văn hoá. Hang Nấu Com, Nấu Rượu có truyền thuyết là: Xưa có ông không lò mang com và mang rượu ra núi ngồi ăn. Tương truyền, nơi đây có một dòng nước ngọt tinh khiết. Người xưa vào đây lấy nước về để nấu rượu tiến vua thì rượu rất thơm và ngon. Hay: Hang Ba Giọt có truyền thuyết là: Xưa kia, có ba dòng nước chảy tụ về hang. Theo cư dân nơi đây thì nếu đi dọc hang Ba Giọt mà được ba giọt nước từ nhũ đá rơi xuống đầu thì sẽ gặp được nhiều may mắn, sự nghiệp sẽ công thành danh toại. Nếu hứng tiếp ba giọt vào lòng bàn tay để uống thì tình yêu sẽ chung thủy, vẹn tròn.

thiền sư Nguyễn Minh Không (1065 – 1141) khi đến đây tìm thuốc đã phát hiện ra động và từ đó biến thành động thờ Phật. Như vậy, văn hoá Phật giáo được thể hiện đậm nét.

Khu du lịch Tràng An có những hang động và những dãy núi đá tự nhiên, ngoài giá trị thẩm mỹ do thiên nhiên ban tặng, lại ẩn chứa nhiều dấu ấn lịch sử và văn hoá truyền thống. Đó là những hang động luôn gắn bó mật thiết với tín ngưỡng của người Việt mà yếu tố Phật giáo đóng vai trò quan trọng.

*** Lễ hội:**

Lễ hội cũng là một tài nguyên rất quan trọng của Khu Du lịch Tràng An. Do được hình thành trong một không gian văn hoá, lại nằm trên một mảnh đất truyền thống hàng nghìn năm lịch sử - Cố đô Hoa Lư nên khu du lịch Tràng An là nơi được chứng kiến và tham gia nhiều Lễ hội truyền thống gắn với các di tích lịch sử rất có ý nghĩa như:

Lễ hội chùa Bái Đính: được tổ chức vào ngày Mùng 6 tháng Giêng (Âm Lịch) hàng năm tại thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Cũng như nhiều Lễ hội khác, Lễ hội chùa Bái Đính cũng có hai phần là: phần Lễ và phần Hội. Phần Lễ: thường được tổ chức dâng hương vào sáng ngày mùng 6 tháng Giêng để tưởng nhớ các vị anh hùng dân tộc có công với

nước với dân. Phần Hội có các trò chơi dân gian như: đánh cờ, đấu vật, đua thuyền, múa gậy,... thường kéo dài từ 3 đến 5 ngày.

Lễ hội Cổ đô Hoa Lư: (Hay còn gọi là: Lễ hội Trường Yên), diễn ra từ ngày 8 – 10/3 Âm lịch hàng năm. Lễ hội Cổ đô Hoa Lư là một Lễ hội lớn hướng về cội nguồn dân tộc. Trong đó, phần Lễ có các phần như: lễ rước nước và lễ tế. Phần Hội có nhiều trò chơi dân gian đặc sắc như: cờ lau tập trận, đua thuyền, múa gậy, cờ người, thi hát chèo, viết chữ Nho, tổ chức cuộc thi: “ Người đẹp kinh đô Hoa Lư”...

Lễ hội đền Thái Vi: thường được tổ chức vào ngày 14 – 17/3 Âm lịch hàng năm tại thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Đây là dịp để nhân dân Ninh Bình và nhân dân cả nước tưởng nhớ công lao của các vua Trần – những người có công lớn với dân với nước. Phần Lễ được tiến hành dưới hai hình thức: rước kiệu và tế. Rước kiệu ở đền Thái Vi không chỉ có một đoàn mà có tới 30 đoàn của các xã trong huyện Hoa Lư và trong tỉnh Ninh Bình, sau phần rước kiệu là đến phần tế. Tế là nghi lễ quan trọng và được tổ chức ở trước đền. Phần Hội ở đền Thái Vi thực sự là phần vui chơi giải trí của nhân dân và những người đến dự hội, gồm các phần: múa lân, múa rồng, đánh cờ người, đấu vật, đua thuyền... rất ngoạn mục.

Lễ hội chùa Địch Lộng: Lễ hội được tổ chức trong hai ngày mùng 6 và mùng 7 tháng 3 Âm lịch hàng năm tại chùa Địch Lộng, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn. Phần Lễ được tổ chức dâng hương và lễ theo nghi lễ của nhà Phật. Phần Hội cũng tổ chức các trò chơi dân gian như: múa lân, múa rồng, cờ tướng, thi viết chữ Nho...

Ngoài ra còn có một số Lễ hội khác tại các di tích lịch sử nằm trong khu du lịch Tràng An như: Lễ hội chùa Bàn Long, lễ hội đền Trần, phủ Khổng... Việc tổ chức các Lễ hội truyền thống góp phần vào việc khai thác các giá trị văn hoá đưa vào phục vụ du lịch và giao lưu văn hoá với các nơi khác.

2.2.3.4. Làng nghề truyền thống:

Khu du lịch Tràng An gồm địa phận của 4 xã thuộc 2 huyện và 1 xã thuộc 1 phường (của thành phố Ninh Bình) nên có nhiều làng nghề truyền thống. Trong đó, nổi bật hơn cả là làng nghề thêu ren Văn Lâm và nghề chạm khắc đá Ninh Vân:

Thêu ren Ninh Hải: Tương truyền, từ năm 1285, khi vua Trần Thái Tông tròn 40 tuổi, nhõng ngôi cho con lên làm Thái Thõng Hoàng đã về vùng núi Vũ Lâm tu hành (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lũ), bà Trần Thị Dung là vợ Thái sũ Trần Thủ Độ theo triều đình nhà Trần về đây đã truyền dạy cho nhân dân thôn Văn Lâm nghề thêu ren. Nhõ thế, nghề này đến nay đã có trên 700 năm. Hiện nay ở Ninh Hải, gia đình nào cũng có nhiều loại khung thêu. Bằng những sợi chỉ mảnh mai, cùng những miếng vải rộng, hẹp, đủ mọi màu sắc, với đôi bàn tay khéo léo, ngõời thêu ren đã tạo nên những tác phẩm nghệ thuật. Đõng nét thêu ren rất tinh xảo, uyển chuyển, mềm mại, thanh tú, nhõng lại sống động, mịn màng nhõ những nét vẽ. Sản phẩm thêu ren rất phong phú: ga trải giõng, rèm cửa, gối, khăn bàn, tranh, ảnh...

Chạm khắc đá Ninh Vân: Nói đến xã Ninh Vân, huyện Hoa Lũ, nhân dân cả nõc đều biết đến nghề cổ truyền chạm khắc đá. Từ những hòn đá sù sì, qua bàn tay của ngõời thợ đã thành những tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo. Sản phẩm đá gồm các loại: tõng, chim thú, bể cảnh, bia, thõng, chậu hoa, bàn, ghế, sập, hõng án, ngai, cầu, cổng, ngõõng cửa, xà nhà... Tất cả đều đõc chạm khắc tinh tế, sống động, đõng nét tao nhã, uyển chuyển, mềm mại, bởi đôi bàn tay và khối óc của các nghệ nhân.

2.2.3.5. Ẩm thực:

Tái dẽ Hoa Lũ: Huyện Hoa Lũ có nhiều những dãy núi đá vôi nên nghề nuôi dẽ ở Hoa Lũ rất phát triển. Ngõời ta bắt dẽ núi về làm lông, thui vàng, mổ ra sõp với lá hõng nhu hoặc lá cúc tần hơn chục phút, rồi lọc lấy thịt (đẽ cả da) đem nhúng vào nõc sôi cho chín tái, sau đó thái nhỏ, mỏng đều. Lấy vùng đã rang giã dập, sả thái nhỏ, lá chanh, gừng, ớt tõi thái nhỏ, nõc

chanh, bột ngọt đổ vào thịt dê tái đã thái, tất cả trộn đều là thành tái dê. Tái dê phải ăn kèm với lá sung, chuối xanh, khế, lá mơ và không thể thiếu tỏi gừng để chấm, nếu có thêm chén rượu Lai Thành để uống thì quả là điều thú vị.

Nhất hòng thiên kim (cơm cháy): Cơm cháy được làm từ cơm đã nấu chín, dàn mỏng ra thành hình tròn, để cho nguội và khô, rồi bỏ vào chảo dầu rán cho đến khi giòn vàng lấy ra bỏ thành từng tảng nhỏ để vào bát to. Thịt bò thăn thái lát, tim cật lợn thái mỏng, ướp gia vị cùng với cà chua, cà rốt, hành tây, nấm hương trộn đều, xào cho chín, rồi đổ vào bát cơm cháy. Cơm cháy kêu xèo xèo, bốc khói, tỏa mùi thơm. Nhai cơm cháy giòn tươi, chứa nhiều hương vị của món ăn thập cẩm nóng sốt, đậm đà, không bao giờ quên được.

Mắm tép Gia Viễn: Ngày nay, người ta đã chế biến nhiều loại nước mắm nổi tiếng. Nhưng có lẽ mắm tép Gia Viễn vẫn là loại mắm đặc sản và độc đáo của người dân Ninh Bình. Là huyện đồng bằng chiêm trũng, nên người dân Gia Viễn có nghề riu tép từ lâu. Người ta dùng tép riu làm mắm, gọi là mắm tép. Tép riu phải là tép già, thân tròn, nhỏ con, màu xanh lam. Điều quan trọng nữa là tép phải tươi, đem rửa sạch, để khô. Sau đó lấy thính gạo rang vàng, giã nhỏ, cùng với muối trộn đều với tép theo tỷ lệ, bỏ vào hũ, có thể đổ thêm ít nước đã đun sôi để nguội, rồi bịt kín, để từ một tháng trở lên mới đem nấu chín ăn. Bát mắm tép được múc ra màu đỏ tươi, có mùi thơm ngọt, rất hấp dẫn. Người ta có thể rang mắm tép với thịt ba chỉ. Ăn mắm tép Gia Viễn không cần cho thêm bột ngọt, vẫn có vị ngon ngọt, đậm đà. Ngày nay mắm tép Gia Viễn đã trở thành món ăn đặc sản của các bữa tiệc khi có thêm đĩa rau ngon.

2.2.4. Các giá trị độc đáo của Khu du lịch Tràng An

2.2.4.1. Một số cảnh quan độc đáo:

Thiên nhiên đã ưu đãi, dành tặng cho Tràng An một điều kiện tự nhiên thuận lợi với rất nhiều những cảnh quan vô cùng đẹp mắt và độc đáo. Trong đó, đáng chú ý là một số hang động tự nhiên thuộc quần thể hang

động Tràng An sau:

*** Hang Luồn (còn gọi là: xuyên thủy động):**

Hang ở dưới gầm quả núi lớn, núi như vắt qua con sông nhỏ. Thuyền bên này núi muốn sang bên kia núi phải luồn qua một hang nước, nên nhân dân địa phương gọi là: hang Luồn. Ngoài ra, hang còn một số tên gọi khác như: Các nhà địa lí thì gọi là: “Thạch Lương Động”. Chúa Trịnh Sâm gọi là: Động Xuyên Sơn”. Còn theo như cuốn: “Dư địa chí” thì Nguyễn Trãi gọi là: “Xuyên Thủy Động”.

Tương truyền, hang Luồn là nơi xưa kia vua Đinh Tiên Hoàng tập luyện thủy quân. Hang rộng: hơn 30m, vòm hang thấp nhưng hang rất dài (khoảng: 143m), thuyền có thể qua lại dễ dàng. Khi thuyền vào tới hang, ta sẽ có cảm giác mát lạnh, đó là cái mát lạnh của đất trời, núi non, sông nước góp lại. Càng đi vào trong hang thì càng ánh sáng càng giảm, ta sẽ được chiêm ngưỡng một cảnh sắc vô cùng tuyệt diệu hiện ra trong ánh sáng mờ ảo. Trần hang là đủ mọi hình dáng, kích cỡ của các vòm đá phẳng, hoặc cong. Có chỗ đá nhấp nhô, lại cũng có chỗ đá sâu hõm vào, lại cũng có chỗ xuất hiện rất nhiều khối thạch nhũ rủ xuống rất đẹp. Tất cả như được trang trí bởi bàn tay màu nhiệm của tạo hoá.

Đi hết hang Luồn, cho thuyền rẽ trái, tại phía đông vách núi còn vết tích của một bài thơ chữ Hán chạm khắc lên vách núi. Đó là bút tích của chúa Trịnh Sâm đi tuần thú cõi Tây (vùng Thanh Hoá trở vào), lúc quay thuyền trở về, tới đất Trường Yên, đã khắc một bài thơ vịnh Hang Luồn, hiện còn trên vách núi Hang Luồn, giống như được khắc trên một tấm bia cao: 1,55 m, rộng: 2,42 m, cách mặt nước lúc bình thường khoảng: 4 m. Tất cả có 13 dòng chữ Hán viết từ phải sang trái, từ trên xuống dưới với tổng 142 chữ. Bản dịch nghĩa như sau:

“ Mùa đông năm Canh Dần (1970) ta đi tuần thú cõi Tây, lúc quay thuyền về, đi tắt tới đất Trường Yên để thăm cảnh Hoa Lư. Ngoảnh nhìn bốn phía núi non một dòng nước biếc, cửa khoá mấy mấy lần, từng bước đều là

thành vàng và hào nước nóng. Non sông của ta hùng tráng, hình thán to lớn này thật là do trời đất tạo nên. Xem dấu vết của triều Đinh thì tường đồ, miếu hoang, lạnh lùn sơ xác... khiến ta cảm khái làm một bài thơ để tả nỗi lòng:

Tây tuần về lại ngắm Tràng An,
Thuyền dạo Hoa Lư cũng thuận miền.
Như tấm lụa chăng qua Thủy Động
Tựa vàng vững chãi ngất sơn quan.
Nào đâu quang cảnh Cố đô trước,
Chỉ thấy quanh co nước núi liền.
Hưng phế đời xưa coi đã rõ,
Lòng dân đáng sợ chớ nên quên.

Bề tôi là Cao Đoàn vâng mệnh viết chữ”

Như vậy, 5 dòng đầu khắc chữ nhỏ là phần lạc khoản nói li do làm thơ, 6 dòng tiếp theo là bài thơ Đường Luật, dòng thứ 12 khắc tên hiệu của tác giả, dòng thứ 13, khắc tên người viết chữ. [Theo tư liệu của Bảo tàng Hà – Nam – Ninh trước đây do Đặng Công Nga công bố].

Thăm hang Luồn, thấy mây núi, nước non hoà quyện, cùng với cây cối mọc xanh tươi, hoa rừng thơm ngát... quả là một nơi: “ sơn kỳ thủy tú” mà thiên nhiên ban tặng cho đất và người Hoa Lư.

*** Hang Địa Linh (còn gọi là: hang Châu Báu):**

Có tên là hang Châu Báu là do dọc theo suốt chiều dài của hang, nhiều chỗ có nhũ đá đẹp. Do mới được khai thác nên nó còn khá nguyên vẹn: nhũ đá trắng phau, đẹp lung linh như ngọc, như vàng. Đi thẳng một đoạn, từ chỗ rẽ phải một đoạn sang hang Địa Linh Một, phía bên trái có một hang khô (động khô). Trong động có những nhũ đá với nhiều hình thù các con vật. Không chỉ thế, trong động còn có rất nhiều nhũ đá trắng muốt như dát bạc còn khá nguyên sơ nên rất hấp dẫn du khách.

Điều đặc biệt mà ít hang có được, đó là trong hang Địa Linh, ở một đoạn còn chứa một không gian rộng của đất và nước. Trước đây, giữa

đoạn đó có một dòng sông, hai bên là hai bãi đất cao, phẳng, rộng, bên lở, bên bồi. Có lẽ vì thế mà người xưa đã đặt tên là: hang Địa Linh.

Điều kỳ lạ nữa là, một vài đoạn trong hang đá trên trần phẳng rộng như trần nhà, có chỗ đá chạy dài thẳng tắp. Thật là một cảnh đẹp hiếm có! Tất cả đều là “châu báu” mới hoá đá, có thể coi đây là một tác phẩm điêu khắc, hội hoạ bậc nhất của tạo hoá.

*** Hang Tối:**

Tên hang là: Tối vì vào trong hang tối om, phải có đèn chiếu sáng thì mới đi được. Không những thế, hang lại khoắt nghéo, quanh co dài tới: 315m.

Mới đi vào cửa hang, ta sẽ bị choáng ngợp bởi vô số nhũ đá với đủ các hình hài và long lanh phát sáng khi có đèn chiếu vào. Càng vào sâu trong hang thì càng có nhiều nhũ đá. Nhũ đá từ trên cao chảy dài, xếp chồng lên nhau thành từng lớp, mềm mại như tơ như lụa. Các nhũ đá trong hang Tối có những cái tên rất nôm na, đặc biệt được đặt theo hình hài của nhũ đá chẳng hạn như: phẩm oản, cá sấu, con mòng, mỏ chim,...

Đoạn giữa hang, lòng hang uốn lượn như hình chữ “S”, càng đi lòng hang càng mở rộng dần ra, hun hút cao đến 60m. Đây là nơi trú ngụ của loài dơi, mỗi khi thuyền đi vào loài dơi lại giật mình vỗ cánh bay lượn quanh lòng hang.

Đoạn cuối hang, nhũ đá cuộn cuộn tuôn trào, màu nhũ đá xanh biếc rất đẹp mắt. Khi ở xa, lúc đến gần nhũ đá lại có những hình thù khác nhau, đầy huyền rũ và bất ngờ.

*** Hang Sáng:**

Hang Sáng nằm trong thung Sáng – là thung nhỏ nhất trong gần ba chục thung tại đây (chỉ rộng có: 15.400m²). Từ thung Sáng, thuyền rẽ trái là đến Hang Sáng. Hang Sáng dài: 112m. khác hẳn so với hang Tối, hang Sáng khá ngắn, từ cửa hang bên này chỉ cần đi một đoạn ngắn là sẽ thấy được ánh sáng từ cửa hang bên kia chiếu vào. Tuy thuyền vào hang Sáng có đỡ tối hơn nhưng vẫn phải dùng đèn. Vòm hang cao lồng lộng, có nhiều nhũ đá trắng

phau như chứa đựng nguồn sinh lực dồi dào. Đoạn đầu hang ít nhũ đá, càng về cuối thì nhũ đá càng đơn giản. hang như âm thầm dấu đi bao vẻ đẹp bí ẩn, lộng lẫy, đến cuối mới phô ra.

Người xưa đặt tên hang như muốn gửi gắm một triết lý nhân văn cao cả. Tên hang thể hiện khát vọng của con người: hết mưa là nắng, tối rồi sẽ sáng. Tối – Sáng bổ trợ cho nhau như âm dương ngũ hành, như xấu và tốt, như thiện và ác.

*** Hang Ba Giọt:**

Hang có chiều dài: 156m, trong hang có chỗ rộng tới 25m. Sở dĩ hang có tên Ba Giọt là vì: như người dân nơi đây kể lại thì trước đây ở bên phải đoạn giữa của hang có một dòng nước ngầm rất ấm không biết từ đâu chảy về tạo thành ba dòng nước. Vào mùa đông, chỗ hợp thành ba dòng nước này có rất nhiều tôm, cá, cua, tép về đây trú ngụ dày đặc. Hiện nay, chỗ đó đã được lấp đi.

Nhũ đá trong hang biến hoá khôn cùng, như mọi thứ trên thế gian này đều có thể phác thảo được. Có chỗ nhấp nhô như hàm răng cá sấu, có chỗ lại bằng phẳng, thẳng tắp như những dải lụa. Không biết tự bao giờ, tạo hoá đã tạo nên những cảnh đẹp tuyệt vời mà ít nơi có được. Sự thâm trầm của đá, nước linh hoạt trong mọi dáng hình.

Ngoài ra, còn có một số hang khác như: hang Nấu Rượu dài tới 250m với sự tích: trong hang có mạch nước ngọt tinh khiết, nước lấy ở đây mà nấu rượu thì đặc biệt thơm ngon..., hang Seo Bé dài 60m, hang Seo Lớn dài 98m, hang Sơn Dương (dài 210m), hang Khổng (dài 60 m), hang Si (dài 200m), Hang Ao Trai (dài 250m), Hang Thuốc (dài 220m)... Mỗi hang động đều có một vẻ đẹp kỳ thú và độc đáo riêng hấp dẫn đến lạ lùng.

Đi thăm quần thể hang động Tràng An, du khách như lạc vào một thế giới riêng của tự nhiên, một “trận đồ bát quái” của những hang động vòng vèo, chỉ có núi cao và nước sâu vây hãm tưởng chừng không có đường ra, nhưng lại hoang sơ, mát mẻ, kỳ thú và nên thơ đến lạ lùng. Đến thăm quan

quần thể hang động Tràng An, ta sẽ cảm thấy thoải mái, cõi lòng như được lắng xuống, quên đi những lo toan, mệt mỏi trong cuộc sống hàng ngày để hoà nhập vào thiên nhiên rộng lớn, vĩnh hằng.

2.2.4.2. Các di tích Lịch sử - Văn hoá:

Xen giữa khung cảnh thiên nhiên tuyệt diệu là những ngôi đền, phủ, chùa cổ kính, tĩnh mịch mang đậm giá trị văn hoá và giá trị kiến trúc nghệ thuật. Tại Khu du lịch Tràng An đã tìm thấy những dấu tích của nền chùa cổ từ thời Đinh – Lê với nhiều hiện vật rải rác khắp mặt đất. Hiện nay, trong khu du lịch Tràng An còn những đền, chùa cổ với những niên đại sớm muộn khác nhau như: chùa Bàn Long, chùa Bái Đính, Phủ Đột, Phủ Khổng, Đền Trần,...

***Chùa Bàn Long:**

Trước tiên phải nói đến ngôi chùa Bàn Long vào loại sớm nhất của khu vực này. Chùa Bàn Long lấy động làm chùa (là chùa thiên tạo và nhân tạo), nằm gọn trong Đại Tượng Sơn (núi Đại Tượng), ở thôn Khê Đầu thượng, xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư.

Núi Đại Tượng có hình con voi khổng lồ chầu về Kinh đô Hoa Lư xưa. Núi cao khoảng 200m, có một cửa ngầm phun nước bổ sung cho lượng nước của sông Sào Khê và sông Khê Đầu (Khê Đầu có nghĩa là đầu nguồn của một con suối). Gọi là chùa Bàn Long vì khi chúa Trịnh Sâm khi đến thăm chùa đã đề ba chữ lớn: “ Bàn Long tự” lên vách cửa động. Bàn Long – có nghĩa là: bệ rồng (bệ đá rồng ngồi). Trong động, có nhũ đá giống hình con rồng ngồi, hình rồng nổi rõ cả vảy. Người dân nơi đây thường vào trong động, nhìn vảy rồng để xem thời tiết nắng mưa thế nào. Nếu trời nắng hạn lâu ngày mà thấy vảy rồng đá trong động rực sáng long lanh thì vài ngày sau trời sẽ đổ mưa. Vì thế mà vào những năm hạn hán, nhân dân địa phương thường làm lễ cầu mưa ở chùa Bàn Long.

Bàn Long là một ngôi chùa có từ rất sớm ở nước ta, được hình thành từ trước thời nhà Đinh, cách đây hơn 10 thế kỷ. Tương truyền, nhân dân phát hiện ra động từ lâu, thấy trong động có hình rồng cuộn nên lập chùa ngay khi

đó. Tấm bia ở vách núi Đại Tượng được khắc vào thế kỷ XVI, niên hiệu Nguyên Hoà tức đời vua: Lê Trang Tông, có ghi: “ Từ thành cổ Hoa Lư men theo núi đá đi về phía Nam, đến làng Khê Đầu ở đó có chùa Bàn Long. Đây là danh thắng từ ngàn xưa. Trải qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, chùa này càng thêm nổi tiếng”...

Chùa Bàn Long không xây Tam Quan mà trước khi vào chùa phải đi qua một cây cầu đá. Đó là những phiến đá xanh nguyên khối được chạm khắc và ghép lại thành cầu. Hai bên cửa động là cặp câu đối:

*“ Bàn Long động cổ trời Nam nhất
Đại Tượng danh sơn nước Việt thiêng”.*

Bên trái của động là tượng A Di Đà bằng đá xanh nguyên khối được tạo dựng từ khi lập chùa. Đây là một pho tượng Phật bằng đá cổ, còn sót lại đến ngày nay. Dưới pho tượng là rất nhiều những con rồng cuộn tròn do tạo hoá tác nên. Cách bày trí tượng Phật trong động cũng giống như cách bày trí của các ngôi chùa khác. Nhưng điều đặc biệt ở chỗ: xung quanh các tượng Phật trong chùa Bàn Long là các loại nhũ đá có hình thù của những con vật “ tứ linh” (long, ly, quy, phượng). Tứ linh đó đều châu về tượng Phật. Và đặc biệt hơn nữa là: tại vách đá trên cao ở giữa động còn có một nhũ đá giống hình tượng Phật đang cười ngửa trắng. Chính vì sự kỳ diệu này ở động Bàn Long càng làm cho chùa thêm sự linh thiêng và nâng cao giá trị. Nói về cảnh sắc và giá trị tín ngưỡng, tôn giáo của chùa Bàn Long, có một bài thơ rất hay được khắc trên vách núi Đại Tượng như sau:

*“ Hoàng Long bến cũ đâu xa,
Gần đây lại có động là: Bàn Long.
Bốn bề khói toả mây hồng,
Hai bên tả hữu núi cùng giương vây.
Khê Đầu gói nguyệt êm thay,
Chuông chùa lên tiếng, đêm ngày ngân nga.
Muốn cho ơn khắp gần xa,
Vượt lên đem nước Ngân hà làm mưa.
...”*

***Chùa Bái Đính:**

Chùa Bái Đính nằm trong Khu du lịch Tràng An và có thể phân ra thành: chùa Bái Đính mới (là ngôi chùa đang được quy hoạch và trong giai đoạn hoàn chỉnh) và chùa Bái Đính cổ (toạ lạc trên ngọn núi đá cùng tên, cao khoảng 200m). Chùa Bái Đính thuộc địa phận của xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn (Tỉnh Ninh Bình).

Hiện nay, chùa Bái Đính được quy hoạch với tổng diện tích là: 390 ha. Với vị trí “đắc địa”, tựa lưng vào núi, mặt trước quay ra hồ, lại có sông Hoàng Long chảy qua, cùng với các giá trị lịch sử gắn với yếu tố Phật giáo. Hiện nay, ngôi chùa Bái Đính được xây dựng với quy mô đồ sộ và rộng lớn, đang trong giai đoạn hoàn thành. Ngôi chùa mới được xây dựng rất gần với ngôi chùa Bái Đính cổ, trải dài tới 800 m từ chân lên đến đỉnh đồi. Chùa Bái Đính được xây dựng có kiến trúc kiểu cổ Á Đông: mái lợp bằng ngói ống, đầu đao cong vút, cột tròn, hệ vì kèo kiểu chùa cổ. Ngoài ra, đến thăm chùa Bái Đính mới, du khách thập phương còn có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp bề thế của: tháp chuông – nơi đặt quả chuông lớn nặng tới 36tấn, cao 10m, đường kính miệng 5m. Điện Tháp Chủ - nơi đặt tượng Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đồng nguyên khối nặng 100tấn. Hay Điện Tam Thế - nơi đặt ba pho tượng Tam Thế bằng đồng, mà mỗi pho nặng tới 50tấn. Cùng với một hành lang La Hán gồm có 500 pho tượng La Hán được tạc bằng đá, cao từ: 2m - 2,5m;...

Đối diện với Giếng Ngọc là đường lên ngôi chùa Bái Đính cổ. Chùa Bái Đính cổ toạ lạc trên ngọn núi đá cùng tên (Bái Đính), đây là một kiểu chùa cổ của cư dân Ninh Bình. Lợi dụng địa hình thiên nhiên để tạo nên kiểu “chùa hang”. Núi Bái Đính còn giữ được nét nguyên sơ của núi rừng, cây cối. Tương truyền, cách đây khoảng 1000 năm, thiền sư Nguyễn Minh Không (1065 – 1141), khi đến đây tìm thuốc đã phát hiện ra động này, từ đó biến thành động thờ Phật. Trên núi Bái Đính có ba hang: Ở lưng chừng núi có hang Voi Phục, bên trong đặt tượng Đức Ông mặt đỏ có nhiệm vụ trông coi toàn bộ cảnh chùa. Leo hết dốc, ta sẽ thấy có hai động nữa. Bên phải là động

Sáng (thờ Phật): là động thông suốt ra hai cửa hang, phong cảnh rất đẹp. Bên trái là động Tối (hay động Mẫu, động Tiên): là động chỉ có một cửa hang nên càng vào sâu thì càng tối, bên trong có nhiều nhũ đá rất đẹp mắt.

Hiện nay, với việc đưa chùa Bái Đính vào hoạt động du lịch, đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của du khách đã giúp cho hoạt động du lịch nơi đây ngày càng phát triển, lượng khách đến thăm quan gia tăng đáng kể. Vì vậy mà chùa Bái Đính được coi là một điểm nhấn của khu du lịch Tràng An.

***Phủ đột:**

Phủ Đột còn được nhân dân địa phương gọi là Đền Trình. Từ trung tâm của bến thuyền, đến thung Tối ngoài, rẽ tay trái vào chân núi, ta sẽ thấy một ngôi đền có kiến trúc kiểu cổ toạ lạc trên nền đất cao, bên cạnh cửa hang Đột – đó là Phủ Đột. Để hành trình thăm quan quần thể hang động Tràng An diễn ra suôn sẻ, thuận lợi và may mắn thì du khách nên đến phủ Đột trước tiên để trình báo với hai vị quan được thờ tại đây.

Tương truyền, năm 979 vua Đinh Tiên Hoàng và con cả Đinh Liễn bị sát hại. Triều đình phải đưa người con duy nhất còn lại của vua Đinh là: Đinh Toàn, mới 6 tuổi lên làm vua. Lê Hoàn lúc đó giữ chức Thập đạo tướng quân tự xưng là: “Phó vương” cùng vua quyết định việc triều chính. Định quốc công Nguyễn Bặc, và Ngoại giáp Đinh Điền (thuộc trong tứ trụ triều đình của nhà Đinh) không thể chấp nhận được nguy cơ mất ngôi báu của nhà Đinh nên đã đem quân chống lại Lê Hoàn. Trong triều xảy ra nhiều xung đột, sợ ấu chúa bị nạn, hai vị tướng của nhà Đinh với tước hiệu là: Tả Thanh Trù và Hữu Thanh Trù đã đem ấu chúa Đinh Toàn vào vùng núi rừng phía Nam kinh đô Hoa Lư để lánh nạn... Đinh Điền, Nguyễn Bặc định tiến quân về kinh thành Hoa Lư giết Lê Hoàn nhưng không thành. Đinh Điền bị chết ngay tại trận, còn Nguyễn Bặc thì bị bắt, đóng cũi đưa về kinh thành Hoa Lư chém đầu. Năm 980, Lê Hoàn lên ngôi hoàng đế, đón ấu chúa về kinh, còn hai vị tướng nhà Đinh ở lại vì không muốn ra làm quan với nhà Tiền Lê. Một thời gian sau hai

vị tướng này qua đời. Nhân dân đã lập Phủ để thờ hai vị tướng trung thần của nhà Đinh này ngay tại nơi xưa kia họ sống đến khi qua đời.

Đến nay, ngôi phủ cũ vẫn còn, nằm ở gần cửa hang Đột, được kiến trúc theo kiểu chữ “Đình” (). Nằm cách ngôi phủ cũ 1,5m, về phía bên phải là một ngôi phủ mới được trùng tu lại năm Ất Sửu (2003). Ngôi phủ mới được xây dựng cao to hơn ngôi phủ cũ, và cũng được kiến trúc theo kiểu chữ “Đình” (). Bái Đường có ba gian, không có cửa phía trước, cửa lui vào tận hàng cột cái để che hậu cung bên trong, làm cho hiên của Hậu cung rộng đến 3m. Hiên của Hậu cung chính là Bái Đường của phủ, có 4 hàng cột đá vuông dựng phía trước, cao tới 2m. Mặt tiền bốn cột đá chạm khắc các câu đối bằng chữ Hán. Trong đó, tại cột đá gần hai hồi phủ có cặp câu đối:

*“ Nhất phiến trung can huyền nhật nguyệt,
Thiên thu chính khí tác sơn hà.”*

Có nghĩa là:

*Một tấm lòng trung nghĩa sáng cùng nhật nguyệt,
Nghìn năm chính khí còn mãi với non sông.*

Cặp câu đối có ý nghĩa ca ngợi tấm lòng trung nghĩa của hai vị tướng triều Đinh. Tấm lòng đó, tinh thần nghĩa khí, trung hiếu vẹn toàn sẽ sống mãi cùng với non sông.

Dưới cửa võng, ở gian giữa Tiền Đường có đặt một hương án sơn son thếp vàng để đỉnh công đồng. Hậu cung của phủ 1 gian, 2 trái hẹp, dọc sâu 3m. Trong Hậu cung, các vì kèo, cột tròn đều bằng gỗ lim. Các cột lim tròn được dựng trên các tảng đá hình bát giác và được treo các câu đối bằng chữ Hán. Trên hương án trong đặt một khám lớn chia hai ngăn, mỗi ngăn để một bài vị thờ quan: Tả Thanh Trù và Hữu Thanh Trù (nhà Đinh).

***Phủ Khổng:**

Tục truyền lại rằng: Khi vua Đinh Tiên Hoàng mất – năm Kỷ Mão (979), triều đình đã cho làm 100 quan tài giống nhau bằng đồng. Trong đó chỉ có một chiếc là để thi hài của vua Đinh, còn 99 chiếc khác để không. Có 7 vị

quan trong triều rất trung thành với vua Đinh đã đứng ra khâm niệm ông. Khâm niệm xong, họ bí mật chuyên qua một cửa cung điện, đưa cả 100 chiếc quan tài bằng đồng đó ra ngoài kinh thành Hoa Lư để chôn cất. Bảy vị quan đại thần sau khi chôn cất xong, đồng tình uống rượu độc tự vẫn để mang theo bí mật về những chiếc quan tài.

Thời đó, có một vị quan trấn ải phía Nam kinh thành Hoa Lư nghe tin 7 vị quan đại thần đã tự vẫn thì vô cùng thương tiếc, đã bỏ triều đình vào trong thung Khổng ẩn tích và lập nơi thờ bảy vị quan đại thần. Ông đặt một bát hương trên một tảng đá thờ chung bảy người. Sau đó, ông trồng một cây thị nhỏ để đánh dấu nơi thờ. Hàng năm, cứ đến ngày giỗ ông đều đến thắp hương tế lễ cho họ. Thời gian sau ông cũng qua đời. Nhân dân Hoa Lư cảm kích trước tấm lòng yêu thương con người, trung nghĩa của ông và các vị đại thần nên đã lập một đền nhỏ, bên cây thị đã lớn để thờ ông, gọi là Phủ Khổng.

Chữ “Khổng” ở đây mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Có người thì nói rằng: “Khổng” ở đây có nghĩa là “Khóc”, đó là nỗi niềm khóc thương những con người trung nghĩa, không hề biết tư lợi cá nhân, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn. Có ý kiến lại cho rằng: “Khổng” có nghĩa là “không được biết”, đó là điều bí mật về những chiếc quan tài thật giả chôn cất đức vua Đinh Tiên Hoàng, cũng như bí mật về các vị quan đã chôn cất thi hài vua Đinh... Nhưng dù mang ý nghĩa nào thì cũng đều khẳng định lịch sử lâu đời của ngôi Phủ này.

Phủ Khổng nằm ở gần cửa hang Khổng, phủ quay hướng Đông Nam. Ngày nay, phủ Khổng mới được xây dựng lại, kiến trúc theo kiểu chữ: “Đinh” (.....), nằm trên nền đất sát chân núi Khổng, cao hơn mặt nước hồ khoảng 3m. Từ bến thuyền, bước lên 13 bậc đá mới lên đến sân phủ. Sườn núi đá sâu hõm vào, vách núi trên cao đưa ra che gần hết phủ. Bái Đường của phủ 3 gian. Điều đặc biệt là Bái Đường không có cửa ở ngoài, cửa lui vào tận hàng cột cái để che Hậu cung bên trong, làm cho hiên của Hậu cung rộng đến 3m. Như vậy, hiên của Hậu cung được gọi là: Bái Đường, có 4 hàng cột đá vuông,

dựng ở ngoài đặt trên các tảng đá vuông, cao 2m. Gian giữa của Hậu cung, bên trên cửa võng có ba chữ Hán lớn đề: “Thế Hồ Thâm” (nghĩa là: nhớ thương sâu sắc). Hậu cung 1 gian, 2 trái hẹp, dọc sâu 3m. Trong Hậu cung có hai hương án bằng gỗ cao, được sơn son thếp vàng lộng lẫy. Trên hương án trong đặt một khám lớn sơn son thếp vàng để bài vị thờ ông quan đã lập bát hương và thờ 7 vị quan tuần tiết. Hương án ngoài đặt đỉnh hương bằng đồng và các đồ thờ.

Sát cửa phủ, gần phía Tây Nam có một cây thị lớn. Gốc của nó nổi nhô lên thành một khối sần sùi chùm lên đá, rộng khoảng 8m², cao hơn so với sân gạch khoảng 1m. Bộ rễ của nó to lớn, bám sâu vào đá, đã sống trong nhiều năm. Tương truyền, cây thị đã có ngàn năm tuổi, cây thị to lớn che rợp cả Phủ Khổng. Một trận bão đã làm cây thị đổ gãy, chỉ còn lại gốc. Từ gốc cây đó đã mọc lên một chồi. Chồi cây thị đó đến nay đã có cành lá vươn rộng, đến mùa thị ra rất nhiều quả. Độc đáo thay, trên một cây thị có gốc ngàn năm ấy lại có hai loại quả đan xen ở các cành: một loại quả tròn, có hạt và một loại quả dẹt, không có hạt.

Phía Đông của Phủ Khổng là cây cầu vòm, làm bằng bê tông giả đá bắc qua đoạn sông vào hang Khổng. Đi qua cầu là sang bên sườn núi phía Đông, ở đây có treo một quả chuông lớn trên vách núi. Lui về phía Tây Nam của phủ Khổng, chỗ góc sân sát bờ hồ có trồng một cây đa do Tổng bí thư Nông Đức Mạnh trồng vào ngày 27 tháng 7 năm 2004, nhân dịp Tổng bí thư vào phủ Khổng dâng hương tưởng niệm.

Thấp hương lễ xong phủ Khổng, quay nhìn thung Khổng sẽ thấy được cảnh núi non sông nước hoà quyện, êm dịu, thanh bình và yên ả của nước hồ với mây núi tạo nên cảnh đẹp làm mê lòng người.

***Đền Trần:**

Đền Trần còn được gọi là: đền Nội Lâm, thuộc thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Hiện nay, đến đền Trần có thể đi theo hai đường đó là

đường thủy và đường bộ. Nhưng lối đi đường thủy (bằng thuyền) là phổ biến hơn cả.

Thuyền vào hang Đột, đi khoảng 70m, rồi rẽ phải vào hang Địa Linh Một (dài khoảng 300m). Sau đó, rẽ trái một đoạn là đến bến Cây Bàng (gọi là bến Cây Bàng vì ngay bên thuyền có cây bàng rất to nằm ở phía bên phải, dưới chân núi). Bước lên các bậc đá cao có đường đi vào Đền Trần.

Đây là tuyến leo núi khá thú vị. Trên đường vào đền Trần phải vượt qua ba đèo liền nhau: Đèo thứ nhất là đèo Cây (vì dưới thung có nhiều cây Cây), có độ cao so với mặt nước khoảng 60m. Đèo thứ hai là đèo Vài, là đèo ở giữa và cao nhất, độ cao so với mặt nước khoảng 150m, ở thung Cây gần chân đèo Vài có một động Trời có độ cao khoảng 100m, diện tích: 250m² có nhiều nhũ đá đẹp và hấp dẫn. Đèo thứ ba là đèo Đền Trần, có độ cao so với mặt nước khoảng 60m. Hiện nay, đường qua ba đèo này đã được xây các bậc đá rộng để leo lên, bước xuống được dễ dàng. Nhìn cảnh đèo cheo leo, gợi cho ta nhớ tới: “Đèo Ba Dội” trong bài thơ của bà chúa thơ Nôm:

“Một đèo, một đèo, lại một đèo,

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo”.

Đường qua ba đèo có tổng độ dài là: 1.600m. Trên đường đi, đã dựng 7 chiếc lầu bằng gỗ lim cao, rộng hình bát giác, trong đặt các hàng ghế cho du khách nghỉ chân nếu thấy thấm mệt khi leo đèo. Sau khi vượt qua ba đèo, cứ men theo sườn núi bên phải, rồi vòng lại bước lên một số bậc đá thì đến Đền Trần. Hình ảnh đầu tiên là một trái núi to cao, hùng vĩ, vách núi sâu hõm vào, phía trên đua ra làm thành một hang nông, cao hơn mặt đất dưới chân núi khoảng 15m. Đền như nằm gọn trong hang, trời mưa nước không làm ướt được nền. Trước đền, dưới chân núi là một đầm nước trong xanh, và rất sâu. Vậy là, đền Trần có thể: “tiền thủy, hậu sơn” rất đẹp. Ngôi đền thờ Trần Quý Minh - một viên tướng từ thời vua Hùng Vương thứ mười tám.

Theo truyền thuyết thì: Vào thời vua Hùng Vương thứ mười tám thì Thánh Tản Viên là anh cả, Cao Sơn là em thứ hai và Quý Minh là em thứ ba trong một gia đình.

Bên phải là tượng thần Quý Minh, bên trái là tượng Hoàng Quý Nương là phu nhân của thần Quý Minh. Hai tượng đều được đặt thờ trên hương án bằng đá. Một điều độc đáo là: các xà ngang, bậc cửa, 12 cột và mái hiên bằng của đền đều được làm bằng đá, các cột đá đều vuông cỡ: 15cm x 15cm, cao gần 2m. Hàng cột ngoài hiên có bốn cột, mặt tiền đều chạm khắc nổi rồng mây ở giữa, phía trên chạm khắc chim phượng hoặc cá hoá phượng, phía dưới chạm khắc rùa, cá rô, hoa sen, lá sen. Hai cột hai bên ở hàng cột giữa cũng chạm khắc Tứ linh: long, ly, quy, phượng nhưng nổi lên vẫn là rồng mây.

Điều độc đáo hơn là tại đây các hình chạm khắc trên các cột đá vuông, và nhỏ (tại một số nơi khác thì ta được thấy các hình chạm khắc nổi Tứ linh trên các cột đá tròn, vuông, cao to như ở đền Thái Vi, đình đá thờ Nguyễn Minh Không tại chùa Địch Lộng). Nét khắc càng nhỏ thì chạm khắc càng khó. Nếu như các cột đá bình thường chỉ khắc nổi có 1cm, thì các cột đá ở đây lại được chạm khắc bong kênh và chạm lõng nổi cao 8cm, có chỗ nổi cao tới 10cm. Nếu đứng từ xa, chỉ nhìn thấy rồng uốn lượn trong mây, nhưng khi đến gần, nhìn ngắm kỹ thì một bức tranh đầy đủ màu sắc hiện ra: nào là chim phượng hay cá hoá phượng rất nhỏ, thân chỉ bằng ngón tay cái song lại có đủ cả đầu, mỏ, cánh, đuôi, chân; nào là con chim chích xoã cánh sinh động như thật; rồi cả những con cá rô, rùa, lá sen, hoa sen cũng vậy. Các đường nét được chạm khắc tinh tế, uyển chuyển, mềm mại, sống động lạ thường. Quả là những khối đá có hồn, độc nhất vô nhị được tạc nên bởi bàn tay khéo léo và khối óc tinh tường của các nghệ nhân dân gian.

Tương truyền, đền Trần đã có từ lâu và rất linh thiêng. Trước đây, đền được xây dựng rất sơ sài, chỉ dựng hai tấm bia đá mà chưa có các cột đá. Trên nền ngôi đền cũ, nhân dân Văn Lâm đã xây dựng lại ngôi đền mới như ngày nay. Người dân nơi đây kể lại rằng: đền rất linh thiêng, khi nhân dân địa

phương làm các cột đá để xây dựng lại đền. Sau khi thắp hương làm lễ khấn thần xong thì người ta tiến hành chuyên các cột đá từ dưới lên nền ngôi chùa cũ. Mặc dù cột đá bình thường rất nặng nhưng khi mỗi người vác một cột đá (đã được quấn vải bảo vệ) đi qua 3 quèn (theo lối gọi của người dân thôn Văn Lâm: quèn là đèo) vào đền đền mà không hề thấy nặng, đi lại vẫn dễ dàng.

Bên trái đền, đến sát vách núi có hai đồng mỗi đùn. Bên phải đền, dưới nền thấp hơn (trước đây là ngôi đền cũ), dựng hai bia đá ghi lại sự tích thần Quý Minh và tên tuổi của người cúng tiến xây dựng lại ngôi đền ở trên nền cũ hiện nay. Hàng năm cứ vào ngày Mùng 7 tháng Giêng (Âm Lịch), người dân khu vực này thường vào đền thắp hương lễ thần để cầu mong một năm đi bắt cá, trồng cây trên núi được may mắn và bình an. Ngày này được gọi là Lễ Phát Lát. Còn lễ giỗ thần Quý Minh và phu nhân được tổ chức vào ngày 18 tháng 3 (Âm Lịch) hàng năm. [Lã Đăng Bật].

Ngày nay, đền Trần không chỉ là nơi tôn nghiêm thờ Thần mà còn là điểm tham quan rất hấp dẫn không thể thiếu trong hành trình thăm quần thể hang động Tràng An. Đến đây, không chỉ để lễ thần, cầu mong một năm luôn thuận lợi và may mắn cho bản thân và gia đình mà còn được chiêm ngưỡng sự độc đáo của các cột đá, được thả hồn vào trời mây, non nước.

Tiểu kết Chương II:

Du khách đến với Ninh Bình sẽ được thăm các di tích lịch sử văn hóa, chiêm ngưỡng cảnh quan thiên nhiên rừng núi trùng điệp các dãy núi đá vôi và hệ thống các hang động Karst huyền bí kỳ ảo, tìm hiểu nét văn hóa của cộng đồng các dân tộc, tham gia vào các sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống của nhân dân địa phương và thưởng thức các món ăn đặc sản của vùng đất Ninh Bình... Đây có thể coi là nguồn tài nguyên du lịch vô tận của Khu du lịch Tràng An trong sự nghiệp phát triển du lịch.

Tràng An là một Khu du lịch rộng lớn, lại có cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Ngoài những cảnh quan do núi rừng, thung lũng và đầm lầy tạo nên, khu vực này còn có một hệ thống các hang

động kỳ thú và đa dạng, cùng với sự phong phú về thành phần động – thực vật, những di tích lịch sử - văn hoá gắn với vùng đất “Cổ đô” xưa đã tạo ra sự phong phú và đa dạng nổi trội về Tài nguyên du lịch của khu vực này so với các nơi khác. Những giá trị về tự nhiên và nhân văn ấy rất thích hợp để phát triển các loại hình du lịch: sinh thái, văn hoá, lịch sử, tâm linh, tham quan, nghiên cứu...

Là một khu du lịch lớn, với tổng diện tích là: 1.566 ha, lại đang trong giai đoạn xây dựng, khai thác và đưa vào phục vụ du lịch nên cũng còn một số hạn chế nhất định, song chủ yếu vẫn là hạn chế về cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng du lịch chưa được hoàn thiện ảnh hưởng tới sử dụng dịch vụ và thời gian lưu lại của khách.

Do đặc điểm về tự nhiên và nhân văn, tài nguyên du lịch của khu vực này khá nhạy cảm và dễ bị “tổn thương” do tác động của các hoạt động kinh tế, xã hội và hoạt động du lịch thiếu quy hoạch. Vì vậy đòi hỏi sự quan tâm của các cấp, các ngành có liên quan đảm bảo vẫn phát triển du lịch song không làm tổn hại đến các giá trị tại khu vực này.

CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VIỆC KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH

3.1. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH TRÀNG AN

Với tiềm năng du lịch phong phú: vị trí thuận lợi, cảnh quan hấp dẫn, địa hình đa dạng, lịch sử lâu đời, văn hoá truyền thống. Khu du lịch Tràng An là một điểm du lịch rất hấp dẫn với khách du lịch trong nước và quốc tế. Đây sẽ trở thành một khu du lịch quan trọng không thể thiếu trong các Chương trình du lịch đến Ninh Bình, cũng như vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Tuy nhiên, thực trạng hoạt động du lịch nơi đây chưa tương xứng với tiềm năng vốn có.

3.1.1. Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch

3.1.1.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch

*** Hệ thống giao thông:** Mạng lưới giao thông đường bộ của cả tỉnh Ninh Bình có tổng chiều dài là: 2.278,2 km. Trong đó, có hai quốc lộ quan trọng nhất là Quốc lộ 1A (Hà Nội – Ninh Bình) và Quốc lộ 10 (Quảng Ninh – Ninh Bình). Khu du lịch Tràng An nằm rất gần với tuyến đường Quốc lộ 1A nối liền Bắc – Nam. Theo quy hoạch tổng thể thì sẽ có 11 tuyến đường giao thông chính được xây dựng tại Tràng An. Đến nay, tại đây đã hoàn thành được tuyến đường từ Núi Kỳ Lân đi chùa Bái Đính với tổng chiều dài là: 16.000m. Đây được coi là tuyến đường huyết mạch nối liền khu du lịch Tràng An với thành phố Ninh Bình và các đối với các điểm du lịch khác. Ngoài ra, một số tuyến đường trong khu du lịch Tràng An cũng đang trong giai đoạn hoàn thiện, trong đó: các đường đi bộ, các bến thuyền trong khu du lịch này đã hoàn thành. Tuy vậy, đoạn đường từ Bái Đính đi Cổ đô Hoa Lư chỉ dài: 4,5km song đoạn đường này lại hơi nhỏ và hẹp cần được sửa sang lại và mở rộng ra.

*** Hệ thống cấp điện:** Mạng lưới điện của Ninh Bình đã được xây dựng với các đoạn đường dây cao thế là: 770 km. Mạng lưới điện trong Khu du lịch Tràng An do Nhà máy điện Ninh Bình và 4 trạm điện phân phối cung cấp. Hiện tại, đã xây dựng được hệ thống đèn chiếu sáng khu phố công cộng cây xanh với hệ thống đèn cao áp có công suất: 150KV và hệ thống cốt thép cao từ 9 – 11m. Có hệ thống đèn chiếu sáng phục vụ khách vào tham quan tại một số hang động trong khu du lịch Tràng An, nhất là hệ thống chiếu sáng tại chùa Bái Đính ở các điện thờ, nhà thờ, đường giao thông chính, bãi đỗ xe... cơ bản đã hoàn thiện.

***Hệ thống Vệ sinh môi trường:** các công trình Vệ sinh công cộng, các thùng chứa rác thải được lắp đặt và xây dựng. Riêng tại khu núi chùa Bái Đính có lắp đặt những Nhà vệ sinh di động rất sạch sẽ, tiện ích và hiện đại được đặt rải rác từ đoạn đường đi từ chùa Bái Đính mới lên chùa Bái Đính cổ. Tuy nhiên, tại khu vực hang động Tràng An, chỉ mới có một nhà vệ sinh công cộng phục vụ du khách. Các công trình vệ sinh tại đây nhìn chung còn nhỏ bé, chưa đáp ứng được nhu cầu du lịch của khách. Tại các điểm du lịch chưa được lắp đặt các thùng rác, nhất là tại khu hang động Tràng An mới chỉ đặt thùng rác trên các thuyền nhỏ đưa khách đi tham quan, còn hệ thống thùng rác lớn đặt tại các điểm dừng chân của du khách như: Phủ Khổng, phủ Đột, đền Trần,... vẫn chưa được lắp đặt. Hiện nay, khi đi thuyền thăm quan tại các hang động Tràng An, du khách đôi lúc bắt gặp một số thuyền nhỏ đi vớt rác và những xác của thực - động vật... làm sạch môi trường nước. Đây là một việc làm cụ thể và khá thiết thực có ảnh hưởng tới nhận thức, đồng thời góp phần nâng cao ý thức của du khách đối với khu du lịch này. Hệ thống vệ sinh môi trường và xử lý rác thải là một vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái, cảm nhận của du khách và đảm bảo việc phát triển bền vững đối với khu du lịch này.

***Về bến bãi đỗ xe:** Gần với trung tâm bến thuyền của khu du lịch Tràng An có một bãi đỗ xe tạm thời dành riêng cho khách, được chia ra làm hai khu

riêng biệt là bãi đỗ ô tô và bãi đỗ xe máy, xe đạp. Bãi đỗ xe ô tô có sức chứa khoảng 40 – 50 chiếc xe ô tô loại 45 – 50 chỗ ngồi. Xong đây cũng mới chỉ là bãi đỗ xe tạm thời dành cho du khách nên mới chỉ có không gian chổng, phân công người trông xe, chứ bãi đỗ xe chưa có lán che, chưa quy củ. Còn bãi đỗ xe máy, xe đạp hiện nay thì có diện tích không lớn, đường vào nhỏ hẹp, rất chật chội và khó qua lại gây cho khách sự không thoải mái và rất khó chịu nhất là vào những ngày đông khách. Riêng ở chùa Bái Đính các bãi gửi xe ô tô đã được bố trí, phân công người trông coi và được quy hoạch khá rộng, riêng nơi gửi xe máy còn rất lộn xộn, chủ yếu là do người dân tự trông coi và tình trạng chèo kéo khách và bắt chẹt khách đôi lúc vẫn xảy ra. Vì vậy, cần phải có những giải pháp cụ thể để chấm dứt được tình trạng này, đảm bảo cho sự phát triển du lịch, ngay cả khi lượng khách tăng lên vẫn đủ đáp ứng.

3.1.1.2. Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật:

Cơ sở vật chất - kỹ thuật của khu du lịch Tràng An nhìn chung chưa có, chưa đáp ứng được nhu cầu nghỉ ngơi, ăn uống, giải trí của khách khi đến du lịch tại đây. Gần trung tâm bến thuyền và gần Tam Quan của chùa Bái Đính cũng bắt đầu xuất hiện những quán ăn phục vụ cho nhu cầu ăn uống của khách. Song phần lớn lại là những quán ăn kinh doanh cá thể, còn nhỏ lẻ, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của khách. Ngoài ra, các nhà nghỉ, khách sạn cũng chưa được xây dựng xong. Hiện nay mới chỉ có một vài khách sạn đang bước đầu được xây dựng với quy mô lớn, xong chưa thể đáp ứng ngay nhu cầu về lưu trú của khách. Nếu khách muốn nghỉ lại qua đêm để hôm sau tiếp tục cuộc hành trình thường đi xe ra thành phố Ninh Bình (chỉ cách Trung tâm bến thuyền Tràng An có 6 km). Song đó chỉ là phương án tạm thời. Muốn khai thác tối ưu hiệu quả kinh doanh, thu hút được ngày càng nhiều khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế thì đến với khu du lịch này thì công tác xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cần được tiến hành một cách nhanh chóng đáp ứng được các nhu cầu của khách, trước tiên là đáp ứng các nhu cầu thiết yếu về ăn, ngủ, nghỉ...

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến hệ thống các khu mua sắm và các cửa hàng bán đồ lưu niệm. Hiện nay, tại khu du lịch Tràng An cũng chỉ mới có một vài cửa hàng nhỏ của các hộ gia đình là người dân địa phương thuộc trong phạm vi của khu du lịch Tràng An. Tại trung tâm bên thuyền mới chỉ có 2 gian hàng bán đồ lưu niệm, các mặt hàng khá đơn điệu chủ yếu là: các sách báo, mũ nón, ô dù... phục vụ khách. Còn tại chùa Bái Đính thì có nhiều quầy hàng lưu niệm hơn và các mặt hàng cũng đa dạng hơn so với Trung tâm bên thuyền, song lại dàn trải xô bồ gây mất trật tự và làm mất đi không khí tôn nghiêm nơi cửa chùa. Nhìn chung các sản phẩm lưu niệm ở đây khá đa dạng, nhưng lại chưa thực sự mang tính đặc trưng của văn hoá bản địa, chưa có được những sản phẩm mang tính điển hình cho Khu du lịch này.

3.1.2. Thực trạng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển du lịch tại khu du lịch, điểm du lịch... Nguồn nhân lực này bao gồm cả cộng đồng dân cư địa phương nơi có khu du lịch, điểm du lịch... và những người phục vụ trực tiếp trong ngành du lịch.

Về cộng đồng dân cư địa phương: bao gồm toàn bộ dân cư của 4 xã thuộc 2 huyện và 1 xã thuộc 1 phường của thành phố Ninh Bình. Dân cư tại đây rất cần cù, chịu khó, tằn tảo và cần kiệm. Tuy nhiên do địa bàn rộng lớn nên cư dân ở các vùng cũng có những nét khác nhau, nên việc quản lý khá phức tạp. Phần nhiều là một bộ phận dân cư sống thưa thớt, thiếu sự hiểu biết và các kỹ năng cơ bản trong hoạt động du lịch, thiếu tính chuyên nghiệp trong kinh doanh, đặc biệt là ứng xử và phục vụ khách du lịch. Vì vậy mà chưa gây được ấn tượng mạnh mẽ với khách khi đến du lịch tại Khu du lịch Tràng An.

Về nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp trong Ngành du lịch tại khu du lịch Tràng An. Hiện nay, Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường được UBND Tỉnh Ninh Bình và Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tạm giao cho quản lý và thu phí từ hoạt động du lịch. Doanh nghiệp đã phân công và quản lý một đội ngũ công nhân tiến hành xây dựng cơ sở Vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng

phục vụ du lịch xung quanh khu vực Tràng An. Đặc biệt là với việc xây dựng ngôi chùa Bái Đính mới, đã tốn kém không ít sức người, sức của để có được ngôi chùa khang trang và to đẹp như ngày nay.

Ngoài ra, còn phải kể đến một lực lượng đông đảo người dân địa phương tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch chẳng hạn như: số người tham gia hoạt động chèo thuyền đưa khách đi tham quan quần thể hang động Tràng An (nhân lực hầu như là người dân của thôn Tràng An), một lượng người tham gia vào hoạt động chở khách tại chùa Bái Đính (nhân lực lấy từ thôn Sinh Dược của xã Gia Sinh) và một bộ phận người dân tham gia vào hoạt động bán các quây hàng lưu niệm, hàng nước, quán ăn nhỏ... Do đặc điểm là một khu du lịch mới được khai thác để đưa vào phục vụ du lịch, người dân sinh sống trong khu vực này phần lớn là nông dân, họ mới bước đầu tiếp xúc và làm quen với Du lịch nên hoạt động phục vụ nhu cầu của khách khá ít, các sản phẩm còn đơn điệu. Đặc biệt tại đây vẫn chưa có được đội ngũ Thuyết minh viên - một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong mỗi khu du lịch, điểm du lịch để hướng dẫn tham quan cho khách. Ngoài ra, việc thu hút những người có trình độ học vấn, có sự hiểu biết sâu sắc về hoạt động du lịch và khu du lịch Tràng An tham gia vào hoạt động du lịch vẫn chưa thực sự có hiệu quả.

3.1.3. Thực trạng công tác quản lý du lịch

Công tác quản lý tại mỗi khu du lịch, điểm du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển hoạt động du lịch tại khu du lịch, điểm du lịch đó. Bởi nếu có sự quản lý tập trung, nhất quán, chặt chẽ sẽ đảm bảo cho khu du lịch phát triển một cách ổn định và có hiệu quả. Thực trạng công tác quản lý tại khu du lịch Tràng An như sau:

Khu du lịch Tràng An là một khu du lịch tương đối rộng và lớn, lại đang trong giai đoạn khai thác và xây dựng. Hiện mới hoàn thiện đưa vào phục vụ khách giai đoạn I (bắt đầu từ ngày 08/04/2008). Vì vậy, để tránh sự chông chéo trong quản lý nên vấn đề quản lý được giao luôn cho Doanh nghiệp

xây dựng Xuân Trường (chủ đầu chính). Do việc xây dựng chưa hoàn thành nên công tác quản lý của Nhà Nước về Du lịch của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình mới chỉ dừng lại ở mức độ quy hoạch.

Trong thời điểm hiện tại, Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường là đơn vị quản lý du lịch trực tiếp và khá hiệu quả tại Khu du lịch Tràng An. Các hoạt động mà Doanh nghiệp này quản lý và kiểm soát như: hoạt động bán vé tham quan quần thể hang động Tràng An, phân công đội ngũ nhân viên an ninh làm nhiệm vụ bảo vệ, giám sát các hoạt động tác nghiệp của những người tham gia trực tiếp hoạt động du lịch, việc đánh số đò, số xe không chỉ có ý nghĩa tạo sự công bằng, phân chia quyền lợi giữa những người tham gia hoạt động du lịch mà còn giúp phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm các quy định mà Doanh nghiệp đặt ra...

Mọi hoạt động du lịch diễn ra tại khu du lịch Tràng An cần được sự đồng ý của Doanh nghiệp này đôi khi gây ảnh hưởng không tốt cho hoạt động du lịch như: sự không thống nhất về cách làm, cách xây dựng theo đúng quy hoạch đề ra giữa doanh nghiệp và các cán bộ Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình; hay Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình không quản lý được doanh thu và lượng khách của Khu...gây khó khăn trong việc đưa ra các giải pháp để tổ chức hoạt động du lịch đạt hiệu quả hơn.

Vì vậy, Doanh nghiệp này cũng cần phải phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện Hoa Lư, Gia Viễn, UBND tỉnh Ninh Bình và Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình để đạt được hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động du lịch tại đây.

3.1.4. Đầu tư cho hoạt động du lịch

Tính đến ngày 31/12/2006, ngành Du lịch Ninh Bình đã đầu tư 421,453 tỷ đồng, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng Du Lịch bằng 15% tổng mức vốn đã duyệt. Trong đó, bao gồm : Đầu tư phát triển cả cơ sở hạ tầng khu Du Lịch Tràng An. Vốn đầu tư được duyệt là: 2.572,243 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2006 đã thực hiện được 290,744 tỷ đồng. Hiện đang hoàn thiện tuyến đường từ

Thành Phố Ninh Bình đi Bái Đính [Nguồn: Sở Văn Hoá - Thể Thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình].

Hiện nay, với nguồn vốn to lớn được đầu tư, Khu du lịch Tràng An đã cơ bản hoàn thành và khai trương giai đoạn I (từ 08/04/2008). Tại đây đã và đang xây dựng nhiều tuyến du lịch nằm trong tổng thể phát triển của khu, bao gồm 9 tuyến đường thủy và 2 tuyến đường bộ. Trong đó, có 2 tuyến đường thủy đã hoàn thành công tác xây dựng và đưa vào phục vụ du lịch đó là:

Tuyến 1: Trung tâm bến thuyền – hang Địa Linh – hang Tối – hang Sáng – hang Nấu Rượu - đền Trần – hang Sính – hang Si – hang Ba Giọt – hang Seo – hang Sơn Dương - phủ Khổng – hang Khổng – thung Trần – hang Trần – hang Quy Hậu – Trung tâm bến thuyền.

Tuyến 2: Trung tâm bến thuyền – phủ Đột – hang Địa Linh – hang Tối – hang Sáng – hang Sính – hang Si – hang Ba Giọt – thung hang Sáng – hang Seo lớn – hang Seo bé – hang Sơn Dương – phủ Khổng – hang Khổng – Thung đền Trần – đền Trần – hang Trần – thung Gấm – hang Quy Hậu – Khu trung tâm.

Những tuyến du lịch đa dạng, sẽ giúp cho khách có thể lựa chọn đa dạng các hành trình thăm quan hang động Tràng An, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của khách. Khách có thể đến tham quan nhiều lần nhưng không lần nào giống lần nào, lần nào cũng khiến cho du khách cảm thấy mới lạ, như chưa hề khám phá hết cảnh đẹp nơi đây.

Khu du lịch Tràng An là trọng tâm của chiến lược phát triển du lịch Ninh Bình trong tương lai nên được quan tâm và đầu tư khá lớn. Song để trở thành một Khu du lịch mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế thì nguồn vốn đó là chưa đủ. Vì vậy, cần có các chính sách ưu đãi cũng như các chiến lược tuyên truyền, quảng bá để huy động các nguồn vốn đầu tư của các cá nhân, tập thể, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và doanh nghiệp nước ngoài... vào xây dựng và phát triển du lịch tại Khu du lịch Tràng An.

3.1.5. Thực trạng khai thác các giá trị của Khu du lịch Tràng An:

Khu du lịch Tràng An là một khu du lịch tổng hợp mang nhiều giá trị độc đáo về: sinh thái, văn hoá, lịch sử, ẩm thực, làng nghề, lễ hội truyền thống và các giá trị tâm linh. Nhưng việc khai thác các giá trị này để đưa vào phát triển du lịch mới chỉ được thực hiện trong thời gian gần đây, và phần lớn vẫn ở dạng tiềm năng, chưa đạt được hiệu quả cao. Hiện nay, du khách đến với Tràng An chủ yếu là để tham quan, để cảm nhận sự hoang sơ, mới mẻ, kỳ ảo, hùng vĩ của hang động Tràng An và thẩm nhận những giá trị tâm linh nơi có những kỷ lục mới được xếp hạng tại chùa Bái Đính. Mà chưa thấy được ý nghĩa tâm linh hướng về cuội nguồn dân tộc, và tín ngưỡng tôn giáo dân gian tại đây; cũng như chưa thấy được sự gắn kết chặt chẽ giữa cảnh quan với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Thực trạng này đòi hỏi các nhà hoạch định chiến lược phát triển du lịch cần nghiên cứu kỹ, để từ đó xây dựng được những sản phẩm đặc trưng, và mang tính đặc thù của từng địa điểm trong Khu du lịch này, sao cho: không lãng phí tài nguyên.

3.1.6. Thực trạng Khách du lịch và doanh thu từ hoạt động du lịch

*** Thực trạng Khách du lịch:**

Hiện chưa có số liệu thống kê đầy đủ và cụ thể về lượng khách đến khu du lịch Tràng An trong từng tháng. Do đây là một Khu du lịch mới, lại mới bắt đầu đưa vào phục vụ du lịch từ tháng 4 năm 2008. Theo thống kê sơ bộ của Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường (chủ thầu chính và được tạm giao cho quản lý khu du lịch Tràng An) thì:

Tính đến hết năm 2008, lượng khách đến với Tràng An đạt: 190.588 lượt khách. Trong khi đó, trong 4 tháng đầu năm 2009, đã có: 210.300 lượt khách đến thăm quan tại hang động Tràng An và thắp hương cầu phúc, cầu may tại Khu tâm linh núi chùa Bái Đính. Trong đó, có khoảng: 8.400 lượt khách quốc tế (chiếm 4%).

Như vậy, tại khu du lịch Tràng An có cả khách nội địa và khách quốc tế. Song lượng khách năm 2008 khá thấp, do khu du lịch Tràng An chưa được

hiều người biết đến, cũng chưa có trong các Chương trình du lịch (tour) của các Doanh nghiệp lữ hành, do vậy mà lượng khách đến khu du lịch Tràng An trong năm 2008s chưa nhiều, chủ yếu là Khách nội địa, đó là những người dân địa phương; một lượng khách nhỏ là người dân tại các tỉnh lân cận của Ninh Bình và một lượng khách là những nhà nghiên cứu khoa học...đến tham quan, nghiên cứu.

Nhưng bắt đầu từ cuối năm 2008, đầu năm 2009, do chính sách quảng bá, tiếp thị du lịch được đẩy mạnh, Khu du lịch Tràng An đã được nhiều người biết đến và trở thành một điểm đến hấp dẫn không thể thiếu trong một số tour đến Ninh Bình của các Doanh nghiệp kinh doanh Lữ hành. Nhờ vậy, mà chỉ trong 4 tháng đầu năm 2009, lượng khách đã tăng lên đáng kể.

Phần lớn vẫn là khách nội địa, chiếm tới: 96% trong cơ cấu Khách du lịch đến với Tràng An. Đối tượng khách du lịch nội địa thường đi theo đoàn thể hoặc do đi theo Chương trình Tour của các Doanh nghiệp Lữ hành tổ chức. Cũng có một lượng khách đi lẻ: chủ yếu là người dân trong tỉnh và một số Tỉnh lân cận của Ninh Bình. Ngoài ra, cũng có một bộ phận khách là các nhà Khoa học, nhà nghiên cứu, các nhà khảo cổ học, các đoàn khách Chính phủ, khách mời một số quốc gia...

Khách quốc tế chỉ chiếm một tỉ trọng nhỏ, chỉ có 4%, lại chủ yếu là: Tây ba lô (đối tượng khách này là khách quốc tế, nhưng thường có mức chi trả thấp và cũng không yêu cầu cao về dịch vụ, là đối tượng khách có khả năng quảng bá du lịch tốt nhất cho các khu du lịch, điểm du lịch). Nguyên nhân có hiện tượng trên chủ yếu là do cơ sở Vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng ở Tràng An vẫn đang trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện, mà Khách quốc tế lại có yêu cầu rất cao về dịch vụ du lịch. Sau khi hoàn thành xây dựng theo đúng quy hoạch đưa ra, cộng với sự quảng bá, tiếp thị du lịch tốt, khu du lịch Tràng An sẽ là một điểm đến rất hấp dẫn đối với du khách, kể cả khách du lịch quốc tế.

*** Thời gian lưu trú của khách:**

Bước đầu đưa vào hoạt động phục vụ du lịch đến nay là hơn 1 năm, tại Khu du lịch Tràng An vẫn chưa xây dựng được các cơ sở lưu trú, ăn uống đạt chất lượng cao để giữ chân khách. Tại đây, mới chỉ có một vài Nhà hàng đặc sản Tái dê – cơm Cháy mọc lên và được du khách lựa chọn là nơi dừng chân ăn uống. Tuy vậy, đây cũng mới chỉ là những nhà hàng nhỏ được xây dựng ở gần Trung tâm bến thuyền và trên đường vào chùa Bái Đính nên chưa có sự chuyên nghiệp trong kinh doanh và nhất là trong các khâu phục vụ khách. Thông thường, khách chỉ đến tham quan Tràng An trong ngày rồi lên ô tô về thành phố Ninh Bình để nghỉ ngơi. Do vậy, mà Tràng An mới chỉ là điểm dừng chân của du khách trong các Tour chứ chưa phải là một Tour riêng biệt.

*** Doanh thu du lịch:**

Nguồn doanh thu từ hoạt động du lịch hiện nay của khu du lịch Tràng An, phí trông coi xe cho khách, phí vận chuyển khách và một phần thu được từ các hoạt động bán hàng lưu niệm, hàng nước, quán ăn... Song doanh thu chính là từ hoạt động bán vé tham quan tại hang động Tràng An, từ sự thành tâm đóng góp của du khách thập phương để xây dựng và trùng tu lại chùa Bái Đính. Theo thống kê sơ bộ của Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường thì doanh thu của bốn tháng đầu năm 2009 đạt: 4.020,6 triệu đồng. Toàn bộ nguồn thu này được giao cho Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường quản lý, và cùng với nguồn vốn của Nhà Nước đưa vào đầu tư, mua sắm trang thiết bị và xây dựng khu du lịch Tràng An theo đúng quy hoạch và thời gian hoàn thành dự án.

Các nguồn thu từ dịch vụ bổ sung không đáng kể. Chỉ có vài nhà hàng nhỏ lẻ, chưa có các nhà nghỉ, khách sạn cũng như khu vui chơi, giải trí, xung quanh khu vực này lạ chủ yếu là đồi núi, dân cư thưa thớt... Khách du lịch đến đây không biết “tiêu tiền” vào đâu, thời gian lưu trú lại ngắn. Thực tế này đòi hỏi phải có sự quan tâm của các cơ quan quản lý về du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, các nhà quy hoạch và các nhà đầu tư phải nhập

cuộc để nâng cao được các giá trị vốn có, đưa hoạt động du lịch phát triển đúng tiềm năng.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VIỆC KHAI THÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.2.1. Tăng cường đầu tư xây dựng Cơ sở vật chất – kỹ thuật và cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của một khu du lịch, điểm du lịch. Thực tế, khu du lịch Tràng An vẫn đang trong giai đoạn khai thác và xây dựng nên các điều kiện về cơ sở Vật chất – kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn nhỏ bé và chưa tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn. Khách du lịch thường nghỉ qua đêm tại thành phố Ninh Bình, do đó mà doanh thu từ các dịch vụ du lịch còn thấp. Điều đó, chứng tỏ tầm quan trọng của cơ sở hạ tầng và cơ sở Vật chất – kỹ thuật đối với việc khai thác và phát triển du lịch tại Khu du lịch Tràng An này. Như vậy, việc đầu tiên cần phải làm để phát triển hoạt động du lịch tại Khu du lịch Tràng An này là tiến hành thực hiện các công tác quy hoạch, công tác xây dựng, nhất là việc xây dựng nhanh chóng, có kế hoạch các cơ sở Vật chất – kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.

3.2.1.1. Về công tác quy hoạch:

Bản quy hoạch phát triển du lịch tại Khu du lịch Tràng An nằm trong “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Du lịch Ninh Bình thời kỳ 2007 – 2010 và định hướng phát triển đến năm 2015”.

Để đạt được chất lượng và đảm bảo tính khoa học, tránh sự quản lý chồng chéo, Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình đã lựa chọn Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường – một đơn vị có đầy kinh nghiệm trong Quy hoạch và xây dựng làm chủ thầu chính và tạm giao cho quản lý toàn bộ các hoạt động du lịch tại Khu du lịch này.

Đối với một khu du lịch rộng lớn như Tràng An, lại bao gồm nhiều giá trị về: sinh thái, văn hoá, lịch sử, tâm linh... thì bản quy hoạch càng cần phải

chi tiết, cụ thể để phù hợp với từng địa điểm riêng trong khu du lịch Tràng An, sao cho phát triển du lịch nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc của phát triển bền vững nhằm tạo ra mối quan hệ cộng sinh giữa hoạt động du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử và tự nhiên.

Riêng với chùa Bái Đính, tuy thuộc trong Khu du lịch Tràng An song với ý nghĩa tâm linh đậm nét, cần được quy hoạch thật chi tiết đảm bảo được tính tôn nghiêm, tạo được môi trường thanh bình, hoạt động du lịch không được làm xáo động không gian riêng của những ngôi chùa. Hiện nay, các hoạt động như: bán hàng lưu niệm, hoạt động chở khách và chụp ảnh tại chùa Bái Đính...có hiện tượng chèo kéo khách gây mất mỹ quan và ý nghĩa tâm linh thành kính khi vào đền chùa. Vì tất cả những hiện tượng trên, cần có một bản quy hoạch chung và một bản quy hoạch chi tiết tại các điểm quan trọng trong khu du lịch Tràng An. Cụ thể là: tất cả các quán hàng, quầy hàng lưu niệm, quán nước, quán ăn nhỏ phải được xây dựng thành một khu riêng, có mái che, có chia ra các gian hàng... Ngoài ra, các cơ sở Vật chất – kỹ thuật và cơ sở hạ tầng du lịch khi xây dựng cũng phải đảm bảo một khoảng cách nhất định không làm ảnh hưởng tới cảnh quan của khu du lịch, đặc biệt là môi trường văn hoá và không khí tôn nghiêm của chùa.

Hiện nay, xung quanh Khu du lịch Tràng An có rất ít các cơ sở y tế. Trong đó, phần lớn lại là các cơ sở nhỏ của trường học, và một số ít trạm xá, nhìn chung còn yếu kém. Vì vậy, cần phải đưa vào bản Quy hoạch xây dựng 1 đến 2 bệnh viện với quy mô tương đối lớn, với một đội ngũ y bác sĩ có trình độ tay nghề cao, có trách nhiệm và được trang bị hiện đại, đảm bảo việc phục vụ khách và xử lý khi có sự cố xảy ra.

3.2.1.2. Về công tác xây dựng

Hệ thống cơ sở Vật chất - kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của Khu du lịch Tràng An hiện vẫn chưa được xây dựng xong. Tuy vậy, xung quanh Khu du lịch Tràng An lại có dân cư thưa thớt, đất đai hầu như còn bỏ trống, hoặc chỉ để trồng lúa và xây những ngôi nhà nhỏ bé. Vì vậy, việc xây dựng các cơ sở

hạ tầng tập trung là có cơ sở sẵn có, tốn ít công sức di dời dân, giải phóng mặt bằng.

** Về hệ thống cơ sở hạ tầng:*

Trước hết là mạng lưới giao thông của Ninh Bình tương đối thuận tiện cho hoạt động du lịch với tuyến đường huyết mạch 1A có thể ra Bắc vào Nam dễ dàng. Tuy vậy, đoạn đường Cầu Yên đi Tam Điệp lạ khá nhỏ và hẹp, hiện đang được tu sửa lại, song do hàng ngày có rất nhiều xe cộ qua lại mà chỉ có một tuyến đường duy nhất nên việc tu sửa cũng gặp nhiều khó khăn, thường gây ra hiện tượng tắc đường, nhất là vào những giờ cao điểm. Đối với tuyến đường 1 chiều nối liền Bái Đính với thành phố Ninh Bình với tổng chiều dài là:16.000 m đã hoàn thành về cơ bản: đã đào 2 đường hầm xuyên núi, xây dựng cống trào, và khuôn viên xanh ngăn giữa...tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, tham quan của Khách du lịch. Song do mối quan hệ chặt chẽ với Cố đô Hoa Lư, khi đến khu du lịch Tràng An thông thường sẽ đi thăm Cố đô Hoa Lư ngàn năm lịch sử, nhưng đoạn đường nối liền chùa Bái Đính đi Cố đô Hoa Lư chỉ dài có 4,5 km lại khá gồ ghề, khắp khuỷu, tương đối nhỏ và hẹp. Vì vậy, có thể xây dựng lại hoặc tu sửa tuyến đường này rộng rãi và bằng phẳng hơn để thuận tiện cho việc đi lại của du khách.

Về hệ thống điện: Để đảm bảo cho việc cung cấp đủ lượng điện cho một Khu du lịch có quy mô rộng lớn như Tràng An. Trong tương lai, khi các nhà hàng, khách sạn với quy mô lớn mọc lên cùng với các Khu vui chơi giải trí và các loại hình dịch vụ bổ sung khác ra đời thì việc thiếu điện là vấn đề nghiêm trọng, có ảnh hưởng xấu đến hoạt động du lịch. Thế nên, một giải pháp đưa ra trong trường hợp này là: có thể xây dựng một đến hai Trạm phát điện (đặt cách Khu du lịch Tràng An từ 2 đến 3 km) đảm bảo cung cấp điện 24/24h cho các hoạt động du lịch tại đây. Mặt khác, để khắc phục tình trạng cắt điện luân phiên trong mùa hè (mùa cao điểm sử dụng điện, cũng là mùa cao điểm của khách du lịch nội địa) cần lắp đặt ở Khu du lịch Tràng An các máy phát điện dự phòng có công suất lớn.

Hệ thống thu gom và xử lý rác thải và vệ sinh công cộng: cần được quan tâm để đảm bảo cho sự phát triển bền vững về môi trường sinh thái, các cảnh quan, các giá trị lịch sử, tạo ra cảnh quan sạch đẹp, văn minh và lịch sự tại các địa điểm cụ thể trong Khu du lịch Tràng An. Hiện nay, tại chùa Bái Đính đã có sự xuất hiện một số nhà vệ sinh công cộng di động rất tiện ích và hiện đại. Có thể lan rộng việc sử dụng các nhà vệ sinh di động này ra các điểm du lịch khác để đảm bảo sự tiện ích, sạch sẽ và góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch. Ngoài ra, cũng có thể lắp đặt các thùng chứa rác công cộng tại các điểm du khách hay dừng chân. Sau đó, thu gom rác tập trung rồi chuyển đến khu xử lý rác chuyên dụng tại Thị xã Tam Điệp.

***Về hệ thống dịch vụ du lịch:**

Các cơ sở dịch vụ không thể thiếu trong hoạt động du lịch đó là các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng... Ngoài ra, rất nên có các khu vui chơi, giải trí, nhà hát, rạp chiếu phim, các cửa hàng, khu mua sắm, nơi đổi tiền... Trong đó, hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng có thể được thiết kế theo một kiểu kiến trúc nhất định theo một phong cách riêng nào đó đảm bảo một không gian thoáng, rộng, tiện nghi và dễ dàng khi sử dụng; có thể sử dụng những mặt hàng thủ công truyền thống của địa phương như: các sản phẩm thêu ren (vỏ chăn, vỏ gối, ga chải giường, khăn chải bàn ăn, rèm cửa...), các sản phẩm từ đá mỹ nghệ (hòn non bộ, tượng Phật, tượng đồ vật, con vật...) hay các sản phẩm từ cói (giỏ hoa, túi sách, hộp đựng đồ...) để trang trí nội thất bên trong tạo sự ấm cúng, thân thiện, mang phong cách riêng và để lại ấn tượng cho du khách, nhất là đối với du khách quốc tế.

Bên cạnh sự tiện nghi, hiện đại mang được phong cách riêng cũng cần chú ý đến chất lượng các dịch vụ; vệ sinh môi trường; đặc biệt là vấn đề an toàn thực phẩm. Ngoài ra, cũng không thể bỏ qua thái độ phục vụ khách của nhân viên, của chủ nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn. Những yếu tố này rất quan trọng, nó ảnh hưởng tới quyết định quay lại sử dụng dịch vụ của khách.

3.2.1.3. Về công tác huy động và sử dụng vốn đầu tư

Chiến lược huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở Vật chất – kỹ thuật và cơ sở hạ tầng du lịch của Khu du lịch Tràng An cần thực hiện là: Vừa khai thác triệt để nguồn vốn trong nước, vừa tranh thủ tối đa các nguồn đầu tư từ nước ngoài.

Trước tiên, cần phải sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà Nước để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng như: hệ thống giao thông vận tải, hệ thống điện, nước, các cơ sở y tế... và các công trình dịch vụ đặc biệt cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của toàn bộ Khu du lịch Tràng An.

Về huy động vốn của tư nhân và tư bản nước ngoài: UBND các huyện có các xã thuộc trong Khu du lịch Tràng An, UBND tỉnh Ninh Bình và Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình cần có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với nhau để có thể đưa ra được những biện pháp hợp lí, tạo môi trường đầu tư và môi trường pháp lí thuận lợi cho các Doanh nghiệp tư nhân và Tư bản nước ngoài đã, đang và sẽ có ý định đầu tư vào đây. Cần có những chính sách ưu đãi về thuế doanh nghiệp, phí thu đất, thời hạn thuê, nguồn nhân lực... để thu hút đầu tư.

Huy động vốn đầu tư nước ngoài rất quan trọng. Với đặc điểm là một khu du lịch tổng hợp có quy mô rộng lớn, với quyết tâm xây dựng khu du lịch Tràng An thành khu du lịch mang tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế thì việc huy động vốn đầu tư trong nước là chưa đủ. Để phát triển du lịch hơn nữa thì Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch và Trung tâm thông tin và xúc tiến du lịch Ninh Bình cần đưa ra biện pháp tuyên truyền về môi trường đầu tư, các ưu đãi đặc biệt và các triển vọng của dự án... Nhằm huy động được các nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và các nguồn viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi (ODA), các khoản tín dụng... Trong đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI) sẽ được sử dụng để xây dựng các công trình trọng điểm có chất lượng cao như: khách sạn, nhà nghỉ, sân golf, các cơ sở vui chơi giải trí...

Còn nguồn vốn ODA dùng để xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý rác thải, hệ thống cấp thoát nước, bảo tồn và tôn tạo di tích, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái...

Sau khi đã huy động được nguồn vốn thì việc sử dụng hợp lí là rất quan trọng. Nếu việc sử dụng nguồn vốn không có kế hoạch thì việc huy động không còn ý nghĩa nữa. Vì vậy, các cấp các ngành có liên quan, đặc biệt là Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình cần thể hiện vai trò của mình trong việc điều phối nguồn vốn đầu tư đúng kế hoạch, quy hoạch, thực hiện đúng theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển, tránh tràn lan, tránh phân tán nguồn vốn... Ngoài ra, cũng cần có sự tham gia, giám sát các hoạt động diễn ra tại khu du lịch này để tránh tình trạng tham ô, gây thất thoát nguồn vốn.

3.2.2. Đào tạo nguồn nhân lực

Để đảm bảo sự chuyên nghiệp mà vẫn mang đậm nét Văn hoá địa phương ở khu du lịch Tràng An theo đúng định hướng đề ra, nguồn nhân lực ở đây cần phải được quan tâm đào tạo và củng cố.

Trước hết, cần có một đội ngũ Thuyết minh viên đáp ứng nhu cầu nghe giới thiệu về khu du lịch của khách. Hiện nay, do đang tiến hành xây dựng, bước đầu đưa vào hoạt động đón khách nên khu du lịch Tràng An vẫn chưa xây dựng được đội ngũ thuyết minh viên. Phần nhiều chỉ là những hướng dẫn viên đi theo tour tuyến, có những hiểu biết mang tính khái quát và cũng chưa thấy hết được những giá trị to lớn tại các điểm trong khu du lịch này. Do vậy, rất cần thiết lập ngay một lực lượng thuyết minh tại khu có trình độ, đã được đào tạo qua trường lớp về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, có sự hiểu biết về văn hoá bản địa (có thể ưu tiên con em địa phương - những người thân thuộc và hiểu rõ những nét văn hoá địa phương). Để đạt hiệu quả cao, thì ngay từ khâu tuyển chọn cần tuyển chọn những người có trình độ ngoại ngữ cao, có nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và khả năng giao tiếp, ứng xử với khách tốt. Thực hiện tốt các giải pháp này, khu du lịch Tràng An sẽ có một đội ngũ

thuyết minh viên chuyên nghiệp, mang đặc trưng riêng và để lại ấn tượng cho khách.

Bên cạnh đó, phải kể đến nguồn nhân lực phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ bổ sung. Sau khi hoàn thành công tác xây dựng, tại đây sẽ thiếu một lượng lớn nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, có trình độ tay nghề cao. Do đặc điểm khu vực này dân cư thưa thớt, khi chưa có hoạt động du lịch người dân ở đây chủ yếu là thuần nông. Do đó cần có biện pháp đào tạo bài bản, ưu tiên, tạo điều kiện về việc làm, chế độ, lương bổng... thu hút nguồn nhân lực có tay nghề cao từ khắp nơi. Mặt khác, cần có biện pháp đào tạo bài bản, ưu tiên cho con em địa phương để tạo được một đội ngũ lao động tại chỗ ổn định và chuyên nghiệp. Trong đó, chú trọng tập trung đào tạo nghề, tránh tràn lan, mất tập trung.

Một nguồn nhân lực khác cũng cần được quan tâm là những cán bộ quản lý có chất lượng. Để hoạt động du lịch tại đây phát triển hơn nữa, rất cần một lực lượng quản lý có chuyên môn cao. Do đó, Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình có thể điều phối những cán bộ có trình độ chuyên môn cao trong công tác quản lý để thành lập nên một Ban quản lý được tổ chức hoạt động quy củ, thống nhất góp phần vào việc phát triển nhanh và ổn định tại Khu du lịch Tràng An này.

Ngoài ra, người dân địa phương cũng là nguồn nhân lực cần được quan tâm và đào tạo, nâng cao chất lượng. Bởi họ có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của khu du lịch. Trước hết, cần có biện pháp tuyên truyền cho cư dân địa phương về ý nghĩa và vai trò của hoạt động du lịch tại đây. Qua đó nâng cao nhận thức của họ về môi trường du lịch và bảo vệ tài nguyên - một yếu tố cơ bản đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Cũng cần tổ chức các lớp huấn luyện ngắn hạn, những buổi nói chuyện cho người dân địa phương về kỹ năng giao tiếp, quan hệ ứng xử với khách du lịch, tạo nên nếp sống thân thiện, dễ gần, hiền hoà, mến khách, bảo vệ và giữ gìn cảnh quan, không xảy ra hiện

tượng chèo kéo khách, nhắc nhở du khách thực hiện đúng nội quy của khu, tận tình giúp đỡ, chỉ dẫn khách.

Với những giải pháp trên, hy vọng trong thời gian tới khu du lịch Tràng An sẽ có được một lực lượng nhân lực có chất lượng cao, tạo nên môi trường du lịch chuyên nghiệp và có văn hoá hấp dẫn du khách đến và quay trở lại với khu du lịch này.

3.2.3. Đẩy nhanh hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch:

Là một khu du lịch còn khá mới mẻ, đến nay mới đưa vào hoạt động đón khách hơn một năm (bắt đầu khai trương giai đoạn I vào tháng 04/2008), lại có nhiều tiềm năng du lịch to lớn. Do vậy, cần thiết phải đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch đến du khách trong và ngoài nước.

Trước hết, phải có chiến lược quảng bá phù hợp và hiệu quả. Chiến lược này cần được thực hiện một cách đồng bộ, chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả của hoạt động quảng bá bằng việc đưa vào các Chương trình du lịch (Tour) của các Doanh nghiệp Lữ hành, hay thuê các Công ty quảng cáo chuyên nghiệp quảng bá cho hoạt động du lịch ở Tràng An.

Mặt khác, cũng cần xác định nguồn khách tiềm năng của Khu du lịch Tràng An. Do đặc thù là một khu du lịch tổng hợp nên rất thích hợp với mọi thành phần, mọi lứa tuổi đến du lịch, tham quan, tìm hiểu, vui chơi, giải trí... Nhưng hiện tại chủ yếu vẫn là lượng khách nội địa, khách quốc tế vẫn chưa nhiều. Trong tương lai không xa, khi dự án được hoàn thiện sẽ thu hút được một lượng khách quốc tế đông đảo đến với khu du lịch này. Trong đó, thị trường khách Tây Âu rất thích loại hình du lịch sinh thái, du lịch khám phá hang động... và với khu núi chùa Bái Đính sẽ là một điểm đến hấp dẫn của các nước Phương Đông, nhất là các quốc gia có Phật giáo phát triển như: Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Căm-pu-chia... Như vậy, việc xác định nguồn khách, nhất là những thị trường tiềm năng có ý nghĩa quan trọng và là cơ sở để đưa ra các giải pháp cho chiến lược quảng bá, xây dựng các Tour cụ thể và hấp dẫn.

Có thể sử dụng đa dạng các hình thức quảng bá du lịch bằng các phương pháp truyền thống và hiện đại. Chẳng hạn như: quảng cáo bằng tờ rơi, tập gấp, tập sách mỏng...; phát hành đĩa VCD giới thiệu về khu du lịch Tràng An, có lời và có cả hình ảnh... Tất cả phải được thiết kế đẹp mắt, thông tin ngắn gọn, cô đọng, súc tích, đảm bảo được sự chuyên nghiệp, gây được ấn tượng với du khách, phát hành với số lượng lớn. Ngoài ra, có thể sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như: đài phát thanh, đài truyền hình,... Hoặc đưa vào các tác phẩm điện ảnh: có thể thực hiện một số cảnh quay tại khu du lịch Tràng An làm hình ảnh cho một số bộ phim trong và ngoài nước để quảng bá về du lịch Tràng An tới đông đảo mọi người trong và ngoài nước biết đến. Quảng bá du lịch trên mạng Internet không còn là mới lạ đối với các khu du lịch, điểm du lịch trong nước và quốc tế. Đây là một phương pháp hiện đại và khá hiệu quả. Không chỉ giới thiệu trên trang Web của Du lịch Tỉnh Ninh Bình như hiện nay, mà khu du lịch này nên lập một Website riêng, có giao diện đẹp, dễ truy cập và phong phú bằng nhiều thứ tiếng để thuận tiện cho việc tìm kiếm thông tin của du khách trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, Ngành du lịch Ninh Bình cũng nên tiếp thị du lịch đến các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu Văn hoá,... với sự ưu đãi về giá vé và giá cả các dịch vụ bổ sung. Bởi chính họ sẽ là người quảng bá, tuyên truyền tốt nhất về các giá trị của khu du lịch này mà họ học tập, nghiên cứu được đến đông đảo người dân.

3.2.4. Đa dạng hoá các dịch vụ bổ sung:

Sự đa dạng hoá các dịch vụ bổ sung là một trong những yếu tố quyết định sức hấp dẫn của khu du lịch và kéo dài thời gian lưu trú của khách tại khu du lịch Tràng An. Bởi vậy, việc xây dựng một hệ thống dịch vụ bổ sung hoàn thiện và có chất lượng cao là một yêu cầu cần thiết và rất quan trọng.

Do đặc điểm là một khu du lịch tổng hợp gồm nhiều địa điểm khác nhau và mỗi điểm lại có những giá trị không giống nhau nên ở mỗi nơi lại cần có những chiến lược đưa ra các dịch vụ phù hợp với đặc điểm riêng và mang

được nét đặc trưng riêng của từng nơi. Chẳng hạn như: đối với Chùa Bái Đính nên xây dựng một nhà trưng bày các tranh ảnh, tượng Phật, chuông chùa, tháp chuông, cây bồ đề,... những đồ vật liên quan đến các yếu tố Phật giáo. Như thế, sẽ rất hấp dẫn đối với du khách, nhất là đối với những du khách chuộng lạ và những du khách có sự am hiểu sâu sắc về các yếu tố Phật giáo. Còn đối với khu hang động Tràng An thì có thể xây dựng các khu vui chơi giải trí - thể thao, công viên, phòng truy cập Internet... phục vụ nhu cầu đa dạng của du khách. Ngoài ra, có thể xây dựng các cửa hàng mua sắm, các dịch vụ đổi tiền, quay phim, chụp ảnh, các rạp hát, rạp chiếu phim... Các cửa hàng này cần phải đăng ký kinh doanh và chịu sự quản lý, giám sát về chất lượng hàng hoá, phải tuân thủ các quy định về: vệ sinh môi trường, chất lượng hàng hoá, thái độ ứng xử với du khách.

Ngoài ra, có thể lắp đặt các máy rút tiền tự động (ATM), cung cấp dịch vụ đổi tiền, thanh toán bằng thẻ, xây dựng các cơ sở y tế để trông coi, chăm sóc sức khoẻ cho du khách... tạo sự hiện đại và tin cậy cho du khách.

Thực hiện các giải pháp trên sẽ góp phần vào việc thu hút một lượng lớn khách du lịch đến với khu du lịch Tràng An và kéo dài được thời gian lưu trú của khách, dẫn đến tăng doanh thu từ hoạt động du lịch.

3.2.5 Xây dựng các Chương trình du lịch (Tour) đến Tràng An

Trong kinh doanh du lịch, việc đưa ra được Chương trình du lịch hấp dẫn có chất lượng đúng với những gì đã quảng bá là rất quan trọng và ảnh hưởng nhiều đến thương hiệu của Doanh nghiệp lữ hành. Đó phải là các chương trình đáp ứng được nhu cầu của khách về: cảnh quan, dịch vụ chọn gói, có sự mới mẻ, có giá cả hợp lý và hấp dẫn. Dưới đây là một số Chương trình du lịch chọn gói ở khu du lịch Tràng An có thể xây dựng và thực hiện ngay sau khi hoàn thành dự án xây dựng toàn bộ khu du lịch Tràng An.

3.2.5.1. Tour nội tỉnh:

Tour du lịch sinh thái trên đất Ninh Bình: gồm hạt nhân là khu du lịch Tràng An và các khu du lịch sinh thái khác trên đất Ninh Bình có giao thông

tương đối thuận lợi và gần nhau như: Khu du lịch sinh thái đất ngập nước Vân Long, Suối nước nóng Kênh Gà, Vườn quốc gia Cúc Phương... (Thời gian: 2 ngày 1 đêm), nghỉ đêm tại Tràng An.

Tour du lịch thăm quan các đền chùa gắn với yếu tố Phật giáo. Tâm điểm là ngôi chùa Bái Đính và các đền chùa xung quanh khu vực này như: chùa Bàn Long, động Thiên Tôn, động Liên Hoa, đền Trương Hán Siêu....Thời gian: 1 ngày, ăn trưa tại chùa Bái Đính.

3.2.5.2. Tour liên tỉnh.

Tour kết nối Khu du lịch Tràng An với các điểm Du lịch lân cận như: đền Trần – Nam Định (cách Khu du lịch Tràng An khoảng 30km); Bãi tắm Sầm Sơn – Thanh Hoá (cách Khu du lịch Tràng An khoảng 60km). Thời gian: 2 ngày 1 đêm. Nghỉ đêm tại khu du lịch Tràng An.

Tour thăm quan hành hương liên quan đến các yếu tố Phật giáo: kết nối khu núi chùa Bái Đính với chùa Hương, đền Ngọc Sơn, chùa Một Cột (Hà Nội), chùa Dâu (Bắc Ninh)... Tour có thể kéo dài nhiều ngày hoặc ngắn ngày khác nhau, cũng có thể là Tour xuyên Việt.

Tiểu kết Chương III:

Chương III là phần đưa ra những thực trạng về: cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, thực trạng về khách du lịch, doanh thu từ hoạt động du lịch, công tác quản lý, đầu tư cho hoạt động du lịch, thực trạng khai thác các giá trị của khu du lịch Tràng An. Từ đó, đưa ra một số biện pháp có thể áp dụng vào khai thác phát triển du lịch tại đây. Tác giả hy vọng rằng với những biện pháp trên sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch của khu du lịch Tràng An phát triển.

KẾT LUẬN

Qua các vấn đề đã trình bày ở trên tác giả rút ra một số kết luận sau:

Khu du lịch Tràng An là một khu du lịch tổng hợp nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Ninh Bình mang nhiều giá trị về lịch sử, văn hoá, cảnh quan, lễ hội tâm linh... vô cùng phong phú, độc đáo và hấp dẫn. Những giá trị ấy là kết tinh của những gì tinh túy nhất mà thiên nhiên và con người nơi đây đã tạo ra. Để rồi tạo nên tiềm năng du lịch to lớn của khu du lịch Tràng An, để nơi đây trở thành điểm nhấn của du lịch Ninh Bình trong hiện tại và tương lai.

Tuy nhiên, đây là một Khu du lịch còn khá mới mẻ mới được đưa vào khai thác phục vụ du lịch được hơn một năm, vì vậy việc khai thác tiềm năng du lịch tại đây còn chưa tương xứng và cũng chưa mang lại hiệu quả cao. Nguyên nhân của thực trạng này là do sự yếu kém về cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng, về nguồn nhân lực, công tác quản lý...

Để khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch phục vụ phát triển du lịch nơi đây thì cần phải áp dụng đồng bộ các biện pháp như: tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; Đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch; Xây dựng các Tour du lịch hấp dẫn đến khu du lịch Tràng An... Hy vọng rằng với những giải pháp này thì hoạt động du lịch của khu du lịch Tràng An sẽ phát triển hơn trong những năm tới, để trở thành một khu du lịch trọng điểm mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế, đưa ngành du lịch Ninh Bình cùng với ngành du lịch của cả nước vững bước.

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian thực hiện Khoá luận tốt nghiệp, tác giả đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các thầy cô Trường ĐHDL Hải Phòng, của Phòng Nghiệp vụ du lịch, Phòng Dự án Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình, cùng sự giúp đỡ to lớn của gia đình, bạn bè và những người thân yêu.

Nhân dịp hoàn thành Khóa luận, tác giả xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc tới tập thể các thầy cô của Bộ môn Văn hoá du lịch, Trường ĐHDL Hải Phòng đã dìu dắt, dạy bảo trong suốt bốn năm học vừa qua.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn đến các cán bộ Phòng Nghiệp vụ Du lịch, phòng Dự án Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình, Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tác giả có những hiểu biết sâu sắc về Khu du lịch Tràng An và có được những tư liệu cần thiết trong suốt quá trình thực hiện Khoá luận này.

Ngoài ra, tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới gia đình, bạn bè – những người đã luôn ở bên động viên, giúp đỡ tác giả về nhiều mặt để hoàn thành tốt Khoá luận tốt nghiệp.

Đặc biệt, tác giả xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Giáo viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Hương đã tận tình chỉ bảo và hướng dẫn tác giả trong suốt quá trình thực hiện Khoá luận.

Hải Phòng, Ngày.....tháng.....năm 2009

Sinh viên

Đỗ Thị Ngọc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lã Đăng Bật,
“Kinh đô Hoa Lư xưa và nay”. NXB Văn hoá dân tộc.2009
- 2.Nguyễn Minh Tuệ và nhóm tác giả,
“Địa lí du lịch Việt Nam”, NXB Thành phố Hồ Chí Minh,1999
- 3.Bùi Thị Hải Yến,
“Tuyển điểm du lịch Việt Nam”, NXB Giáo dục. 2007
4. Bùi Thị Hải Yến,
“Tài nguyên du lịch”. NXB Giáo dục.
- 5.Bùi Thị Hải Yến,
“Quy hoạch du lịch”. NXB Giáo dục.
- 6.Trương Đình Tường,
“Địa lí văn hoá dân gian Ninh Bình”. NXB Khoa học xã hội Hà Nội,2004
- 7.Quốc Hội,
“Luật du lịch Việt Nam”, NXB Chính trị quốc gia,2005.
- 8.Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình,
“Báo cáo tóm tắt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Ninh Bình giai đoạn 2007 – 2015”. Ninh Bình,2008.
9. Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình,
“Tài liệu hội thảo khoa học giá trị di sản văn hoá Cố đô Hoa Lư và khu du lịch Tràng An”. Ninh Bình 2008.
10. Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình,
“Thuyết minh quy hoạch khu du lịch Tràng An, tỉnh Ninh Bình”. Ninh Bình,2005.
11. Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Tỉnh Ninh Bình,
“Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch Tràng An”. (điều chỉnh, bổ sung).

**BẢNG SỐ LIỆU MỘT SỐ THUNG (HỒ LỚN)
TẠI KHU DU LỊCH TRÀNG AN**

STT	Tên thung	Diện tích thung (m²)	Độ cao TB (m)	Hang nạo vét
1	Thung Xuôi	31.460	0,9	1,2
2	Thung Láng	191.959	1	1,3
3	Thung Lồ	40.787	1	1,3
4	Thung Seo Lớn	27.116	1,1	1,4
5	Thung Nấu Rượu	41.476	0,75	1,05
6	Thung Đèn Trần	292.200	0,8	1,1
7	Thung Seo Bé	19.409	0,9	1,2
8	Thung Không	92.567	0,95	1,25
9	Thung Thuốc	77.832	0,8	1,1
10	Thung Tối Trong	154.892	0,9	1,2
11	Thung Tối Ngoài	143.938	0,5	0,8
12	Thung Sáng	16.995	0,5	0,8
13	Thung Mây	217.776	0,7	1
14	Thung Bin	183.716	1	1,3
15	Thung Vụng Chạy	220.524	1	1,3
16	Thung Sau Giọng	153.206	1	1,3
17	Thung Rộng	71.214	1	1,3
18	Thung Lá	126.409	1	1,3
19	Thung Bạc Dài	366.608	1	1,3
20	Thung Áng Nội	156.530	1	1,3
21	Thung Áng La	311.379	1	1,3
22	Thung Áng Nhồi	140.837	1	1,3
23	Thung Áng Lắm	126.467	1	1,3

Tìm hiểu Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình) phục vụ phát triển du lịch

24	Thung Lũ Thóc	22.047	1	1,3
25	Thung Gấm	33.192	1	1,3
26	Thung Ngàn	109.229	1	1,3
27	Thung Cậy	92.122	1	1,3
28	Thung Giữa	17.503	1	1,3
29	Thung Trần	292.325	1	1,3
Tổng:		3.781.715		

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC HANG ĐỘNG
TẠI KHU DU LỊCH TRÀNG AN**

TT	Tên Hang	Chiều rộng Trung bình (m)	Chiều dài (m)
1	Hang Tối	20	315
2	Hang Sáng	13	112
3	Hang Nấu Rượu	7	260
4	Hang Sính	7	80
5	Hang Si	7	250
6	Hang Ba Giọt	7	156
7	Hang Seo Lớn	9	98
8	Hang Seo Bé	8	80
9	Hang Sơn Dương	7	245
10	Hang Cùng	7	450
11	Hang Khổng	15	60
12	Hang Lỗ	9	240
13	Hang Ao Trai	11	190
14	Hang Thuốc	10	210420
15	Hang Lũng Hóp	7	420
16	Hang Mây	13	1.200
17	Hang Địa Linh	15	1.500
18	Hang Áng Lâm	14	110
19	Hang Vạng	8	210
20	Hang Đại	13	225
21	Hang Vân	7	230
22	Hang Bin	11	180
23	Hang Giọng	12	80
24	Hang Lỗ Gió	10	97
25	Hang Trường Sinh	7	350

Tìm hiểu Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình) phục vụ phát triển du lịch

26	Hang Cây	9	320
27	Hang Long Ẩn	9	1.300
28	Hang Mắt Rồng	12	60
29	Hang Luồn	25	115
30	Hang Ngô Ngã	7	100
31	Hang Quao	7	50
32	Hang Trần	7	230
33	Hang Quy Hậu	7	128
34	Hang An Tiêm	12	130
35	Hang Vòng Ngược	7	260
36	Hang Chuối	7	150
37	Hang Áng Nội	12	165
38	Hang Lau	7	140
39	Hang Đột	8	70
40	Hang Ao Bèo	7	280
41	Hang Suối Tiên	14	310
42	Hang Muối	20	70
43	Hang Lôi	10	230
44	Hang Vặn	7	183
45	Hang Láng	7	130
46	Hang Phi Vân	7	120
47	Hang Giữa	7	180
48	Hang Huê Lâm	7	155
Tổng:			12.224

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG KHU DU LỊCH TRÀNG AN**

STT	Công trình	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn
I	Phần cơ sở hạ tầng	1.262.782	Nguồn vốn TW và Địa phương
1	Công trình giao thông	597.791	Nguồn vốn TW và Địa phương
2	Công trình thủy lợi	373.863	Nguồn vốn TW và Địa phương
3	Tôn tạo các điểm di tích	12.017	Nguồn vốn TW và Địa phương
4	Hệ thống cấp điện	41.792	Nguồn vốn TW và Địa phương
5	Hệ thống cấp thoát nước và xử lý môi trường	14.380	Nguồn vốn TW và Địa phương
6	Hạ tầng kỹ thuật các khu: Văn hoá tâm linh, trung tâm bến thuyền, sinh thái Đá Bàn	186.607	Nguồn vốn TW và Địa phương
7	Trồng cây xanh thảm cỏ	7273	Nguồn vốn TW và Địa phương
8	Tái định cư	24.059	Nguồn vốn TW và Địa phương
9	Chi phí cơ sở Vật chất kỹ thuật và phương tiện làm việc phục vụ dự án	5.000	Nguồn vốn TW và Địa phương

Tìm hiểu Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình) phục vụ phát triển du lịch

II	Phần các công trình văn hoá, dịch vụ du lịch đặc biệt	573.752	Nguồn vốn TW và Địa phương
1	Công trình kiến trúc và dịch vụ Khu văn hoá tâm linh; trung tâm bến thuyền	448.752	Nguồn vốn TW và Địa phương
2	Các công trình dịch vụ phục vụ du lịch	125.000	Nguồn vốn TW và Địa phương
	<i>Tổng mức đầu tư:</i>	1.836.534	

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	5
1.1. DU LỊCH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH.....	5
1.1.1. Khái niệm về Du lịch	5
1.1.2. Tác động của hoạt động du lịch lên tài nguyên và môi trường tự nhiên: .	6
1.1.2.1. Tác động tích cực:	6
1.1.2.2. Tác động tiêu cực	7
1.1.3. Tác động của hoạt động du lịch lên môi trường kinh tế - xã hội:	7
1.1.3.1. Tác động tích cực:	7
1.1.3.2. Tác động tiêu cực:	8
1.2. TÀI NGUYÊN DU LỊCH	9
1.2.1. Quan niệm về Tài nguyên Du lịch:	9
1.2.2. Đặc điểm của Tài nguyên du lịch:	10
1.2.3. Các loại Tài nguyên du lịch:	11
1.2.3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên	11
1.2.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	14
1.2.4. Vai trò và ý nghĩa của Tài nguyên du lịch:	17
1.2.4.1. Vai trò của Tài nguyên du lịch.....	17
1.2.4.2. Ý nghĩa của Tài nguyên du lịch	18
CHƯƠNG II: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH TRÀNG AN	20
2.1. ĐÔI NÉT VỀ TỈNH NINH BÌNH	20
2.2.1. Khái quát về Khu du lịch Tràng An.....	27
2.2.2. Điều kiện tự nhiên và Tài nguyên du lịch tự nhiên:.....	29
2.2.2.1. Địa hình – địa mạo:	29
2.2.2.2. Khí hậu	31
2.2.2.3. Thủy văn.....	32
2.2.2.4. Tài nguyên sinh vật	33

2.2.3. Điều kiện kinh tế - xã hội và Tài nguyên du lịch nhân văn	35
2.2.3.1. Điều kiện Kinh tế - xã hội.....	35
2.2.3.2. Các giá trị di khảo cổ học:	36
2.2.3.4. Làng nghề truyền thống:	42
2.2.3.5. Âm thực:.....	42
2.2.4. Các giá trị độc đáo của Khu du lịch Tràng An	43
2.2.4.1. Một số cảnh quan độc đáo:	43
2.2.4.2. Các di tích Lịch sử - Văn hoá:	48
<u>Tiểu kết Chương II:</u>	57
CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VIỆC KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH	59
3.1. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH TRÀNG AN	59
3.1.1. Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch .59	
3.1.1.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.....	59
3.1.1.2. Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật:	61
3.1.2. Thực trạng nguồn nhân lực	62
3.1.3. Thực trạng công tác quản lí du lịch.....	63
3.1.4. Đầu tư cho hoạt động du lịch	64
3.1.5. Thực trạng khai thác các giá trị của Khu du lịch Tràng An:	66
3.1.6. Thực trạng Khách du lịch và doanh thu từ hoạt động du lịch.....	66
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VIỆC KHAI THÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	69
3.2.1. Tăng cường đầu tư xây dựng Cơ sở vật chất – kỹ thuật và cơ sở hạ tầng	69
3.2.1.1. Về công tác quy hoạch:	69
3.2.1.2. Về công tác xây dựng.....	70
3.2.1.3. Về công tác huy động và sử dụng vốn đầu tư	73
3.2.2. Đào tạo nguồn nhân lực	74

Tìm hiểu Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình) phục vụ phát triển du lịch

3.2.3. Đẩy nhanh hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch:76

3.2.4. Đa dạng hoá các dịch vụ bổ sung:.....77

3.2.5 Xây dựng các Chương trình du lịch (Tour) đến Tràng An78

3.2.5.1. Tour nội tỉnh:.....78

3.2.5.2. Tour liên tỉnh.....79

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO



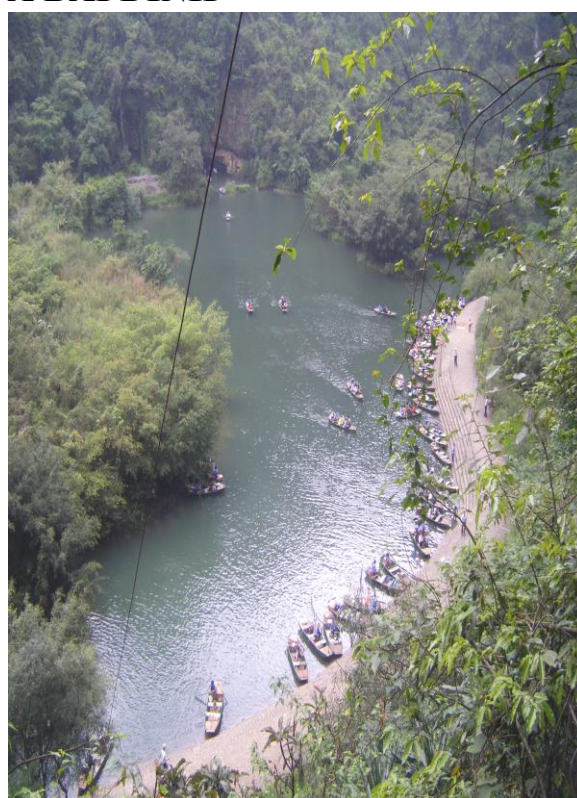
CÔNG TRÀO CỦA KHU DU LỊCH TRÀNG AN



KHU NÚI CHÙA BÁI ĐÍNH



- ĐƯỜNG HẦM XUYÊN NÚI -



- BẾN THUYỀN CÂY BÀNG -



- ĐỀN TRẦN -



PHỦ ĐỘT



PHỦ KHÓNG

Tìm hiểu Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình) phục vụ phát triển du lịch



BẢN ĐỒ DU LỊCH NINH BÌNH